

HỒ CHÍ MINH

NHÀ DỰ BÁO THIÊN TÀI



NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN



NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN

HỒ CHÍ MINH
NHÀ DỰ BÁO THIÊN TÀI

TRẦN ĐƯƠNG

HỒ CHÍ MINH ***NHÀ DỰ BÁO THIÊN TÀI***

Tái bản lần thứ nhất

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN
NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN

“Việc dự kiến chính xác, khoa học chiều hướng phát triển của sự vật, những tình huống lớn sẽ xảy ra trong tương lai vô cùng quan trọng trong công tác cách mạng. Thực tế cùng với thời gian sẽ là nhà kiểm nghiệm nghiêm khắc. Những điều tiên tri đó thuộc về những thiên tài”.

VÔ NGUYỄN GIÁP

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tiến sĩ M.Átnút, Giám đốc UNESCO khu vực châu Á-Thái Bình Dương, đại diện đặc biệt của Tổng Giám đốc UNESCO đã viết: “... Chỉ có ít nhân vật trong lịch sử trở thành một bộ phận của huyền thoại ngay khi còn sống, và rõ ràng Hồ Chí Minh là một trong số đó. Người sẽ được ghi nhớ không phải chỉ là người giải phóng cho Tổ quốc và nhân dân bị đô hộ, mà còn là nhà hiền triết hiện đại đã mang lại một viễn cảnh và hy vọng mới cho những người đang đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng khỏi trái đất này”.

Rất nhiều nhà cách mạng, nhà hoạt động xã hội, nhà khoa học, nhiều nhân vật lỗi lạc trong nước và quốc tế đã dành những lời trân trọng như vậy khi nói và viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Và một trong những yếu tố thiên tài của Người, tạo nên huyền thoại Hồ Chí Minh chính là sự anh minh, miễn tiện, óc phán đoán tài tình, những dự cảm mang tính tiên tri của Người trên từng chặng đường cách mạng, ở mỗi thời điểm lịch sử của dân tộc.

Sách báo trong nước và cả ở nước ngoài đều đã từng đề cập yếu tố đó, đặc điểm nổi bật trong thiên tài của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhưng, cho đến nay, chưa có một công trình nghiên cứu nào trình bày một cách tương đối đầy đủ và toàn diện về vấn đề này.

Triển khai thực hiện Chỉ thị 23-CT/TW ngày 27/3/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh và kỷ niệm 35 năm thực hiện Di chúc của Bác Hồ kính yêu (2/9/1969 – 2/9/2004), Nhà xuất bản Thông Tấn xuất bản cuốn **“*Hồ Chí Minh - Nhà dự báo thiên tài*”** của tác giả Trần Đường, một người say mê nghiên cứu, tìm hiểu về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Với nhiều cố gắng, tác giả đã chất lọc, tìm tòi từ nhiều nguồn tư liệu, sách báo viết về Bác, tuyển lựa, hệ thống hóa chủ đề dưới một số khía cạnh nổi bật.

Giới thiệu với độc giả cuốn sách này, Nhà xuất bản mong được cung cấp một số tư liệu quý, với những nhận định mang tính gợi mở ban đầu về khả năng dự báo thiên tài của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Mặc dù đã cố gắng hết mình với khả năng có thể song khó tránh khỏi thiếu sót, Nhà xuất bản mong muốn được bạn đọc xa gần bổ sung, góp ý để lần tái bản sau cuốn sách hoàn thiện hơn, đáp ứng lòng mong đợi của tất cả chúng ta.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN

1920: GIỮA NHIỀU NGÃ ĐƯỜNG BÁC CHỌN CON ĐƯỜNG LÊ NIN

Trong trường ca *“Theo chân Bác”*, nhà thơ Tố Hữu viết:

*“Bao nẻo Người đi, bước trước sau
Một câu hỏi lớn: Hướng về đâu?”*

Với câu hỏi đó, Nguyễn Tất Thành, chàng trai 20, 21 tuổi đã trải qua bao trăn trở:

*“Muôn dặm đường xa, biết đến đâu?
Phan Chu Trinh lạc lối trời Âu
Phan Bội Châu câu thơ dậy sóng
Bạn cùng ai, đất khách dãi dầu?”*

Nhớ lại thời điểm “chọn đường” ấy, sau này, không lâu trước khi qua đời, trong một lần trả lời phỏng vấn của nhà báo Mỹ Anna Luidơ Xtrông Người nói:

“Nhân dân Việt Nam trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi nhau ai là người sẽ giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Nhật, người khác

ngôi là Anh, có người lại cho là Mỹ. Tôi thấy phải đi ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem xét họ làm ăn ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi”¹.

Đặt tầm nhìn ấy vào thời điểm đầu thế kỷ XX, giữa nhiều ngã đường trong đêm tối, mới thấy quyết định của người thanh niên Nguyễn Tất Thành sáng suốt biết bao. *Phải tìm một con đường khác mới có thể giành lại độc lập cho dân tộc!*² Đó là sự dự báo chính xác, sau khi Nguyễn Tất Thành tự phân tích và thấy rằng không thể đi theo con đường mà các nhà chí sĩ yêu nước đã bàn, đã làm. Đông du để dựa vào Nhật, vào Tàu ư? Hay Tây du để nhờ cậy vào chính nước Pháp? Tất cả đều không được.

Ngày 5-6-1911, vừa qua tuổi 20, Người thanh niên ưu tú của dân tộc bắt đầu cuộc hành trình vĩ đại tìm đường cứu nước. Cuộc hành trình ấy kéo dài đúng 30 năm, trải rộng trên khắp bốn lục địa (châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, châu Á), gót trăm lần thay đổi họ tên, làm trên mười nghề khác nhau để sinh sống và hoạt động. Thế giới trong các thập kỷ ấy, ở châu Á cũng như châu Âu, bị che phủ bởi những đám mây đen

¹ Hồ Chí Minh -- *Biên niên tiểu sử*, NXB Thông tin lý luận, 1992, t.1, tr.47.

² Dẫn theo tạp chí *Xưa và Nay*, số 153, tháng 12-2003.

của chiến tranh đế quốc. Chủ nghĩa tư bản đã bước vào giai đoạn phát triển tột cùng của nó, đâu có dễ dàng phân biệt ranh giới của thật - giả, trắng - đen, chính - tà.

Và 9 năm sau, vào một ngày tháng 7, Nguyễn Tất Thành - lúc này mang tên Nguyễn Ái Quốc - đã tìm thấy con đường độc lập cho dân tộc, tự do cho đồng bào mình từ nội dung cuốn sách *"Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa"* của Lênin, đăng trên báo *Nhân đạo* (*L'Humanité*), số ra ngày 16 và 17-7-1920, Người hiểu rõ hơn những sai lầm trong luận điểm của những người đứng đầu Quốc tế II về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa, đồng tình với sự lên án tư tưởng sô vanh, tư tưởng dân tộc hẹp hòi, ích kỷ. Người vui mừng xiết bao khi được biết vị lãnh tụ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động thế giới đã nhắc nhở các Đảng Cộng sản phải giúp đỡ thật sự phong trào cách mạng của các nước thuộc địa và phụ thuộc, nhấn mạnh sự đoàn kết giữa giai cấp vô sản các nước tư bản với quần chúng cần lao của tất cả các dân tộc để chống kẻ thù chung là đế quốc và phong kiến.

Sau này, khi kể lại sự kiện quan trọng đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói:

“Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!”

Từ đó, tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba”¹.

Cuối năm đó, từ ngày 25 đến 30 tháng 12, Nguyễn Ái Quốc tham gia Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 18 Đảng Xã hội Pháp với tư cách là đại biểu Đông Dương. Đó cũng là người bản xứ duy nhất trong số đại biểu các thuộc địa có mặt trong Đại hội. Không chỉ tham dự, Người còn có một bài phát biểu quan trọng, được Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh. Trong bài phát biểu ấy, Người đã lên án chủ nghĩa đế quốc Pháp, vì lợi ích của nó, đã dùng lưỡi lê chinh phục Đông Dương và trong suốt nửa thế kỷ qua, nhân dân Đông Dương không những bị áp bức và bóc lột tàn tệ mà còn bị hành hạ và đầu độc một cách thâm hiểm. Người kêu gọi “Đảng Xã hội cần phải hoạt động một cách thiết thực để ủng hộ những người bản xứ bị áp bức”, “Đảng

¹ Hồ Chí Minh – Biên niên tiểu sử, NXB Thông tin lý luận, 1992, t.1, tr.90.

phải tuyên truyền chủ nghĩa xã hội trong tất cả các thuộc địa... đánh giá đúng tầm quan trọng của vấn đề thuộc địa...”

Tại Đại hội lịch sử này, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế III (Quốc tế cộng sản).

Sau cuộc bỏ phiếu, bà Rôđơ (Rose), người ghi biên bản tốc ký Đại hội, hỏi Người:

- Tại sao đồng chí lại bỏ phiếu cho Quốc tế III?

Nguyễn Ái Quốc trả lời:

- Rất đơn giản. Tôi không hiểu chị nói thế nào là chiến lược, chiến thuật vô sản và nhiều điểm khác! Nhưng tôi hiểu rõ một điều: Quốc tế III rất chú ý đến vấn đề giải phóng thuộc địa... Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là những điều tôi muốn, đấy là tất cả những điều tôi hiểu.

2 giờ 30 phút ngày 30 - 12 - 1920, Nguyễn Ái Quốc cùng những người chủ trương gia nhập Quốc tế III tuyên bố thành lập Phân bộ Pháp của Quốc tế cộng sản. Từ giờ phút ấy, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã trở thành người cộng sản Nguyễn Ái Quốc. Là một trong những người tham dự Đại hội sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc đồng thời cũng là người cộng sản đầu tiên của dân tộc Việt Nam.

Sự lựa chọn sáng suốt đầu tiên ấy sau gần 10 năm tìm đường cho dân tộc đã cho thấy sự tỉnh táo và mẫn cảm của một trái tim giàu nhiệt huyết, một bộ óc thiên tài từ buổi đầu đã nguyện hiến dâng cho Tổ quốc và nhân dân mình, cho những người lao động nghèo khổ.

Người tự rút ra kết luận, cũng là tìm ra kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam và cách mạng các nước thuộc địa: *“Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”*¹. Người khẳng định: *“Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc”*². Người viết: *“Chủ nghĩa tư bản là một con đĩa có một cái vôi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vôi khác bám vào giai cấp vô sản ở các thuộc địa. Nếu người ta muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vôi”*³.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và nhấn mạnh mối quan hệ khăng khít

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 9, 314.

^{2, 3} S.đ.d, t.1, tr. 461, 298.

giữa cách mạng ở thuộc địa và cách mạng ở “chính quốc”, đó là những luận điểm mang ý nghĩa cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Người còn phân tích sâu sắc các điều kiện lịch sử xã hội của phương Đông và khẳng định: “...Xét những lý do lịch sử cho phép chủ nghĩa cộng sản thâm nhập dễ dàng vào châu Á, dễ dàng hơn là ở châu Âu”¹. Người đề xuất luận điểm: cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động và có thể giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc. Mặc dù vậy cho tới năm 1928, Quốc tế cộng sản vẫn giữ nguyên nhận định: những dân tộc thuộc địa chỉ có thể được giải phóng sau khi cách mạng vô sản ở chính quốc thành công.

Ngay từ những năm đầu thập kỷ 20 của thế kỷ trước, bằng nghiên cứu thực tiễn cách mạng Việt Nam, với tầm nhìn xa, trông rộng, Người còn có phát kiến vĩ đại khi khẳng định rằng ở Việt Nam “đấu tranh giai cấp không diễn ra như ở phương Tây...”, “không quyết liệt”, và “Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn nhất”, “động lực vĩ đại và duy nhất” của sự nghiệp giải phóng dân tộc. Tư tưởng đó đã được thể hiện phần nào trong các văn kiện Chính cương, Sách lược của

¹ S.đ.d, t.1, tr.35.

Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc đưa ra tại Đại hội thành lập Đảng (1930), và nhất quán trong đường lối chỉ đạo cách mạng Việt Nam sau này, mà dấu mốc quan trọng của nó là Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5-1941). Đó là Hội nghị lịch sử, khi Người, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, đã trở về nước và thành lập Mặt trận Việt Minh với chính sách *đại đoàn kết dân tộc* làm nên thành công rực rỡ của Cách mạng Tháng Tám 1945 và sự ra đời của chế độ Dân chủ - Cộng hòa.

Và cũng từ năm 1924, Nguyễn Ái Quốc *tiên đoán* rằng, cách mạng ở nước ta sẽ diễn ra với hình thái *một cuộc khởi nghĩa của quần chúng... nổ ra trong thành phố theo kiểu cách mạng ở châu Âu... và "Cuộc đấu tranh giai cấp không diễn ra giống như ở phương Tây"*. Người viết: *"Về phía người lao động, đó là sự không giác ngộ, sự nhẫn nhục và vô tổ chức. Về phía bọn chủ, không có máy móc, ruộng đồng thuộc sở hữu của những địa chủ hạng trung và hạng nhỏ và những kẻ mà ở đó được coi là đại địa chủ thì chỉ là những kẻ lùn tịt bên cạnh những người trùn tên với họ ở châu Âu và châu Mỹ; không có tỷ phú người An Nam. Những tên trọc phú ở đó thì ở đây chỉ là những kẻ thực lợi (rentier) khá giả thôi."*

Cho nên, nếu nông dân gần như chẳng có gì thì địa chủ cũng không có vốn liếng gì lớn; nếu nông dân chỉ sống bằng cái tối thiểu cần thiết thì đời sống của địa chủ cũng chẳng có gì là xa hoa, nếu thợ thuyền không biết mình bị bóc lột bao nhiêu thì chủ lại không hề biết công cụ để bóc lột của họ là máy móc; người thì chẳng có công đoàn, kẻ thì chẳng có tư-rót. Người thì nhẫn nhục chịu số phận của mình, kẻ thì vừa phải trong sự tham lam của mình. Sự xung đột về quyền lợi của họ được giảm thiểu. Điều đó, không thể chối cãi được”.

Người còn đặt câu hỏi: “Mai đây, khi chủ nghĩa tư bản phương Tây làm thay đổi phương Đông thì đấu tranh giai cấp có trở nên quyết liệt không?” và tự trả lời: “Đại thể là có, nếu xét gương của Nhật Bản”. Người viết tiếp:

“Thật ra là có, vì sự Tây phương hóa ngày càng tăng và tất yếu của phương Đông - nói cách khác, chủ nghĩa Mác sẽ còn đúng cả ở đó. Dù sao thì cũng không thể cấm bổ sung “cơ sở lịch sử” của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được”¹.

Người khẳng định: “Chủ nghĩa dân tộc là

¹ S.d.d, t.1, tr. 465 - 466.

động lực lớn của đất nước. Chính nó đã gây nên cuộc nổi dậy chống thuế năm 1908, nó làm cho những người culi biết phản đối, nó làm cho những người “nhà quê” phản đối ngấm trấu thuế tạp dịch và thuế muối. Cũng chủ nghĩa dân tộc đã luôn luôn thúc đẩy các nhà buôn An Nam cạnh tranh với người Pháp và người Trung Quốc; nó đã thúc giục thanh niên bái khóa, làm cho những nhà cách mạng trốn sang Nhật Bản và làm vua Duy Tân mưu tính khởi nghĩa năm 1917”¹.

Tư tưởng của Người về cách mạng giải phóng dân tộc rất nhất quán và có thể nói rằng đó là một sự vận dụng sáng tạo tuyệt vời đối với học thuyết Mác-Ăngghen, góp phần đưa đến một tầm nhìn sáng tạo mang tính chiến lược của cách mạng Việt Nam. Rất nhiều năm sau Người kiên trì trung thành với quan điểm ấy mặc dù phải qua bao trở ngại, kể cả các hoạt động của Người vào thời kỳ trước và sau Đại hội 5 Quốc tế cộng sản, và ý định mong muốn được sớm trở về với cách mạng Việt Nam của Người gặp không ít khó khăn...

Năm 1960, Mao Trạch Đông, vị lãnh tụ của cách mạng Trung Quốc, sau một cuộc hội kiến với Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã trân trọng bày tỏ:

“Ở Trung Quốc, chúng tôi chỉ sùng bái Tôn

¹ S.d.d, t.1, tr. 466.

Trung Sơn thôi, bởi vì ông có công lãnh đạo cuộc Cách mạng Tân Hợi. Ở nước ngoài, những người được chúng tôi sùng bái là Mác, Ăngghen, Lênin. Stalin cũng khá được sùng bái. Chúng tôi cũng sùng bái Hồ Chí Minh”¹.

Và Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Mỹ Gót Hôn cũng đã dùng những lời đẹp đẽ nhất để viết về Bác của chúng ta: *“Đồng chí là một nhà kiến trúc và tạo hình, làm nên quá trình cách mạng thế giới”².*

Còn kẻ thù thì kính nể. Năm 1931, trong bức điện gửi Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Pháp, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Pháp đã viết:

“Từ hơn 10 năm nay, Nguyễn Ái Quốc là một chiến sĩ vô địch vì sự nghiệp độc lập của Đông Dương... và từ nhiều năm nay những người cách mạng bản xứ xem ông ta như Lênin của Đông Dương”³ (24-6-1931).

Và trên thực tế Người không chỉ là Lênin của Đông Dương. Vị lãnh tụ của nhân dân Ấn Độ, nhà văn hóa lỗi lạc Nêru đã gọi Người là *“Lênin của Phương Đông”*.

¹ Xem *“Chúng tôi cũng “sùng bái” Hồ Chí Minh”*, Hồng Tà Quân, Tạp chí Xưa và Nay, số 125, tháng 10 – 2002.

² Xem bài *“Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại”*, NXB Lao Động, Hà Nội, 2001, tr. 58.

³ *Vụ án Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Kông 1931-1933*, NXB Chính trị Quốc gia – Bảo tàng Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2004, tr.80.

Erích Giôhanxơn, họa sĩ người Đức, gốc Thụy Điển, từng vẽ chân dung Nguyễn Ái Quốc tại một triển lãm lớn ở Mátxcơva năm 1924, khi Người mới 34 tuổi, đã có cảm tưởng rằng: *“Chủ tịch Hồ Chí Minh là một người kiệt xuất trên nhiều lĩnh vực, một con người rất uyên bác...”*

Cử chỉ văn hóa và tác phong thân mật của Người gây một ấn tượng là người có uy tín. Người trở thành lãnh tụ, không phải bằng cái gì bề ngoài mà bằng học thức, bằng trí tuệ của Người”¹.

Ngày 5-11-2000, trong bài viết nhan đề *“Người cha của đất nước”* đăng trên tờ *Washington Post* (5-11-2000), nhà nghiên cứu Fredrik Logewall, khẳng định *“Người là một nhân vật phi thường trong lịch sử thế giới hiện đại”².*

Và nhận xét của Tiến sĩ Ivo Vaxiliép, nhà sử học Cộng hòa Séc: *“Chủ tịch Hồ Chí Minh là người học cao, hiểu biết rộng, có nhiều kinh nghiệm trong đấu tranh cách mạng; Người có khả năng đặc biệt trong việc vận động toàn dân tộc Việt Nam tham gia làm cách mạng...”*

¹ Dẫn theo Tạp chí *Lịch sử quân sự*, số 9, 1989.

² Tạp chí *Tia sáng*, số 1, 5-1 đến 5-2-2001.

...Nếu không có Chủ tịch Hồ Chí Minh và chính Đảng do Người sáng lập lãnh đạo, cách mạng Việt Nam không thể thành công, Việt Nam không thể giành độc lập sớm như vậy. Và thế giới không biết sẽ phát triển ra sao nếu không có các cuộc cách mạng ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai...”¹.

Đặc biệt là trong cuốn “*Hồ Chí Minh từ nhà cách mạng đến thần tượng*”, Pierre Brocheux, một học giả nước ngoài đã đặt vấn đề: “Ông (tức Chủ tịch Hồ Chí Minh) đã dự đoán châu Âu già cỗi sẽ kiệt quệ sau cuộc xung đột (ý nói cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất 1914 - 1918). Nguyễn Ái Quốc quyết định phải đến nước Pháp để bắt mạch tình hình thế giới và trong nước... Trong sự nhìn nhận của ông Nguyễn, các cuộc nổi dậy đều thất bại, nhưng đó là tín hiệu cho thấy công cuộc bình định còn mong manh và tinh thần phản kháng vẫn còn âm ỉ”.

Tác giả P.Brocheux còn cho thấy sự khác biệt trong sự phát triển tư tưởng và chính trị giữa Nguyễn Ái Quốc và hai nhân vật khác: nhà nho Phan Chu Trinh và luật sư Phan Văn Trường. Phan Chu Trinh đã phải thận trọng, không

¹ Báo ảnh Đất Mũi, số 113 (bộ mới), 2-2-2004.

hoạt động chính trị nữa, trong khi Nguyễn Ái Quốc tham gia Đảng Xã hội Pháp mà ông coi là người duy trì lý tưởng của Cách mạng Pháp. Song, Nguyễn đã nhanh chóng thất vọng, nhìn thấy rằng, đối với người Xã hội, vấn đề thuộc địa không phải là ưu tiên hàng đầu, cũng không phải là chủ chốt; nó là thứ yếu dưới tầm nhìn xung đột giữa chủ nghĩa xã hội - chủ nghĩa tư bản. Không từ chối đối diện với Anbe Xarô, Bộ trưởng thuộc địa Pháp, cựu Toàn quyền Đông Dương, thẳng thắn trình bày những tình cảm và mục đích của mình - trả lại độc lập cho đất nước - Nguyễn Ái Quốc đã biểu thị một thái độ dũng cảm trầm tĩnh mà ông sẽ còn thể hiện trong các trường hợp khác. Khi tranh luận với Phan Chu Trinh, ông cũng thể hiện sự dứt khoát, vì Phan bảo Nguyễn phải tin vào nền Cộng hòa Pháp để cải cách các thiết chế "An Nam" và đưa đất nước vào con đường tiến hóa...

Tác giả P.Brocheux có lý khi nhận định: Chính ở Vécxay, Nguyễn Ái Quốc đã nhận được bài học đầu tiên về nền chính trị thực dụng. Ông nhận ra rằng, các cường quốc vẽ lại bản đồ thế giới và quyết định vận mệnh các dân tộc: ở Viễn Đông, Triều Tiên vẫn là thuộc địa của Nhật Bản và Nhật Bản vẫn nắm giữ các

nhượng địa và quyền lợi của Đức ở Thanh Đảo, đi ngược lại ước vọng của người Trung Hoa.

Những chứng cứ mà P.Brocheux nêu lên cho chúng ta thấy rõ: ngay từ đầu những năm 20 của thế kỷ trước, Nguyễn Ái Quốc xuất hiện trên trường đấu tranh với tư cách một chiến sĩ quốc tế đầy nhiệt tình. Ông không chỉ lao vào nhiệm vụ giải phóng đất nước mình, mà còn đấu tranh cho các yêu sách chống chủ nghĩa thực dân của những người xuất thân từ các thuộc địa khác của Pháp. Điều đó thể hiện trong hàng loạt bài viết trên các báo *Le Paria* (Người cùng khổ), *L'Humanite* (Nhân đạo)..., sau này được tập hợp lại thành tác phẩm nổi tiếng: *Bản án chế độ thực dân Pháp* (xuất bản lần đầu vào năm 1925).

Trích dẫn bài *Đông Dương* của Nguyễn Ái Quốc, đăng trên Tạp chí Cộng sản (La Revue Communiste) ngày 15-5-1921, tác giả P.Brocheux ca ngợi đức tính và thiên tài gắn bó với con người Nguyễn Ái Quốc, rằng đặc điểm tư tưởng của Người “là không hề có óc giáo điều, từ chối xóa bỏ hết mọi cái của quá khứ văn hóa, sự lo toan xây dựng cây cầu nối giữa quá khứ và hiện tại và bằng cách chọn lọc trong quá khứ những cái mà Người có thể kích thích hiện tại”.

Với cách phân tích như vậy, tác giả P.Brocheux đã khẳng định rằng “con đường trí tuệ và chính trị của Nguyễn Ái Quốc được xây đắp vững chắc từ những luận điểm của các bậc hiền nhân, của chủ nghĩa Mác - Lênin và từ lòng yêu nước thương dân vô bờ bến của Người. Từ quá khứ, rõ ràng Người tìm những ánh sáng cho tương lai. Sẽ thấy trong các chính sách của Chủ tịch Hồ Chí Minh sau này những khát vọng của các thế hệ cha ông trước đây, từng bước được đáp ứng”¹.

“Mảnh dẻ như một con én, nhưng trong lòng có một ngọn lửa nhiệt tình”, Jacques Stécnen, một nhà hoạt động công đoàn tự do của nước Anh đã nói về Nguyễn Ái Quốc như thế. “Con én” ấy đã từ Việt Nam tới Pháp và nhiều phương trời khác nhau để tìm chân lý, tìm đường đi cho dân tộc mình. Giờ đây, sau nhiều năm học tập, đấu tranh, đã được trang bị những kiến thức và kinh nghiệm phong phú, trong đó có cả những kỷ niệm cay đắng khi đưa vấn đề quyền các dân tộc tự quyết định vận mệnh của mình ra Hội nghị Vécxay bị từ chối khéo và Chính phủ Pháp làm ngơ..., Người hiểu rằng ở nước Pháp này, đâu

¹ Xem bài “Hồ Chí Minh từ nhà cách mạng đến thân tượng” của Pírerre Brocheux, Tạp chí Xưa và Nay, số tháng 1-2004, tr. 76.

có thể mong chờ gì “các cường quốc đang làm lại thế giới” đếm xỉa đến.

Người quyết định đi Mátxcơva, nơi đó Người gần đất nước mình hơn và có thể hoạt động có hiệu quả hơn để xóa bỏ ách thuộc địa.

Và rồi từ Nga, Người trở về Trung Quốc. Ở đấy, Người ra báo *Thanh Niên*, mở các lớp huấn luyện chính trị cho những thanh niên ưu tú từ trong nước sang, Người cũng đề nghị cho gửi một nhóm thiếu nhi Việt Nam sang học ở Mátxcơva, chuẩn bị một đội ngũ cán bộ có tài, có đức cho đất nước sau này.

Trong việc chuyển tài liệu, sách báo từ nước ngoài về nước cũng như việc tuyên truyền cách mạng, Người dặn cán bộ phải *hết sức giữ bí mật*. Dự đoán trước mọi điều có thể diễn ra, Người dặn đồng chí Nguyễn Lương Bằng: “*Mình ở nước ngoài về, thường là có mật thám theo. Cho nên mới về nước, không nên đi lung tung ngay, chưa nên vào nhà ai vội. Không những thế, nếu cần còn phải đóng vai người chơi bời để mật thám không chú ý*”¹.

Bản thân Người, trước sự khủng bố gắt gao của chính quyền Tưởng Giới Thạch, cũng phải cải trang, vào ở khách sạn thật sang, ăn mặc

¹ *Bác Hồ*, NXB Văn học, Hà Nội, 1975, tr. 37.

thật đẹp để che mắt mật thám, để đi Thượng Hải rồi đi tiếp sang Vladivôxtốc (Liên Xô). Tiếp theo là những hoạt động ở Nga, Pháp, Thụy Sĩ, Đức... rồi dừng chân ở Thái Lan. Tại Nakhon Phanôm (Thái Lan), nơi có đông Việt kiều sinh sống và có các tổ chức cách mạng cũng ra đời từ lâu, Nguyễn Ái Quốc (với biệt danh là "*Thầu Chín*") đã dành nhiều thời gian củng cố và huấn luyện thanh niên, giáo dục cán bộ về công tác quần chúng và công tác bí mật, dịch sách lý luận, làm thơ để nâng cao lòng yêu nước cho kiều bào. Không ít cán bộ ta nhớ truyền khẩu bài ca *Trần Hưng Đạo*, trong đó có hai câu mang tính tiên tri:

"Một người Việt hầy dương còn

Thì non sông Việt vẫn non sông nhà".

Người cũng sáng tác kịch, thường lấy đề tài lịch sử, như về Hoàng Hoa Thám, về những tên bán nước (Lê Hoan, Hoàng Cao Khải), được bà con Việt kiều rất ưa thích và trình diễn nhân dịp kỷ niệm ngày Phạm Hồng Thái hy sinh (19-6).

Nhưng dù đã hết sức cẩn thận, Người nhận thấy đang bị mật thám theo dõi ráo riết. Có lúc phải lánh vào chùa, tạm cắt tóc đi tu để tiếp tục hoạt động. Rồi Người phải rời Thái Lan. Như Trần Dân Tiên trong "*Những mẩu chuyện về*

đời hoạt động của Hồ Chủ tịch” đã viết:

“Ông (tức Nguyễn Ái Quốc) biết rõ tình hình trong nước. Hai việc quan trọng làm cho ông từ giã nhà chùa và nước Xiêm. Việc thứ nhất là cuộc bạo động của Quốc dân Đảng đang chuẩn bị. Theo nhận định của Người thì *cuộc bạo động ấy quá sớm và khó thành công*, Người cần về để bàn lại kế hoạch với anh em Quốc dân Đảng... Việc thứ hai là vừa mới đây, “*Tân Việt*” và “*Hội Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí*” đã gặp nhau để chuẩn bị thống nhất lại. Nhưng “*Hội Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí*” lại chia ra hai nhóm. Mỗi nhóm tổ chức thành một Đảng Cộng sản. Như thế, lúc bấy giờ ở Việt Nam có ba Đảng Cộng sản. Mặc dầu sự khủng bố của Pháp, “*Hội Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí*” phát triển rất chóng. Nhưng sự chia rẽ đã làm cho những người yêu nước lo lắng. Vì chia rẽ thì suy yếu”.

Chính vì suy nghĩ trên, Người đã có được một quyết định có giá trị lớn lao là chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản Việt Nam, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Rồi tháng 6 năm 1940, tại Côn Minh, sau khi nghe tin Pari bị quân Đức chiếm, Nguyễn Ái Quốc đã phân tích tình hình thế giới và trong nước, đưa ra nhận định:

“Việc Pháp mất nước là một cơ hội rất thuận lợi cho cách mạng Việt Nam. Ta phải tìm mọi cách về nước ngay để tranh thủ thời cơ. Chậm trễ lúc này là có tội với cách mạng”.

Nắm được thời cơ là do bắt mạch đúng thời đại. Thời cơ cướp chính quyền đang đến, Người cùng các đồng chí của mình ráo riết chuẩn bị lực lượng. Người vạch rõ: *“Khởi nghĩa thì phải có vũ khí. Đó là một trong những vấn đề rất quan trọng của cách mạng. Nhưng nếu bây giờ có vũ khí thì lấy ai mà vác vũ khí? Cho nên cứ tìm cách về nước đã, sau đó chúng ta sẽ vận động quần chúng. Khi quần chúng đã giác ngộ cao thì ta sẽ có vũ khí”.*

Ngày trở về Tổ quốc đã rất gần. Người điện cho các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp lúc này đang chờ xe tại Quý Dương để đi Diên An (theo kế hoạch cũ), nay cấp tốc quay về, đợi ở Quế Lâm để tìm cách về nước cùng Phùng Chí Kiên và Vũ Anh. Và Người cũng căn dặn họ chuẩn bị mọi mặt để khi Người ở Trùng Khánh trở lại có thể lên đường về nước ngay. Tháng 9 năm đó, Người nhận định:

“Đồng minh sẽ thắng

Nhật, Pháp ở Đông Dương chóng chày

sẽ bắn nhau.

Việt Nam sẽ giành được độc lập.

Chiến tranh du kích do Việt Minh lãnh đạo dần dần phát triển với những vũ khí thô sơ, gươm, giáo mác và một số ít khẩu súng cướp được của giặc...”

Cùng những nhận định sáng suốt ấy, Người chỉ dẫn về đối sách của ta lúc này: “Tình hình Quốc - Cộng hợp tác hiện nay đang trải qua một bước rất gay go... Từ nay, kỷ luật bí mật của Đảng phải được chấp hành triệt để, tài liệu phải hết sức cẩn thận...”, như Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã kể lại trong tác phẩm “*Từ nhân dân mà ra*”, là “*trong lúc giao dịch với bọn Quốc dân Đảng, tuyệt đối không để lộ mình là cộng sản*”. Người còn nói: “*Chúng nó không vào Việt Nam càng tốt cho ta hơn*”.

Bác còn nhắc mọi người “không nên ở Quế Lâm lâu, phải chuyển về biên giới tìm cách trở về nước ngay để hoạt động”.

Tháng 5 - 1941, Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ 8 tại Pác Bó, Cao Bằng. Hội nghị xác định *nhiệm vụ giải phóng dân tộc là nhiệm vụ bức thiết của cách mạng Đông Dương*: “*Trong lúc này, quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập tự do cho toàn*

thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”.

Nhận định sáng suốt đó, sự tiên tri rõ ràng đó còn được thể hiện một cách sinh động trong bức thư *Kính cáo đồng bào* do Nguyễn Ái Quốc viết, được lưu hành bằng hai thứ chữ Việt và Hán.

Trong thư Người nói việc lớn chưa thành, vì “*cơ hội chưa chín*” và “*dân ta chưa hiệp lực đồng tâm*”. Người chỉ rõ:

“Trong lúc quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng”... Hiện thời muốn đánh Pháp, Nhật ta chỉ cần một điều: “Toàn dân đoàn kết... Việc cứu quốc là việc chung, ai là người Việt Nam đều phải kẻ vai gánh vác một phần trách nhiệm”.

Người kêu gọi:

“...Hỡi các chiến sĩ cách mạng! Giờ giải phóng đã đến. Hãy phát cao cờ độc lập, lãnh đạo toàn dân đánh tan thù chung. Tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc đang vang dội bên tai các đồng chí! Máu nóng của bậc anh hùng đang sục sôi trong lòng các đồng chí! Chí

phấn đấu của quốc dân đương chờ đợi sự lãnh đạo của các đồng chí!

Chúng ta hãy tiến lên! Toàn thể đồng bào tiến lên!

Đoàn kết thống nhất đánh đuổi Pháp, Nhật!

Việt Nam cách mạng thành công muôn năm!

Thế giới cách mạng thành công muôn năm!”¹.

Rõ ràng với Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ ngày còn ở tuổi thanh niên đã như ẩn trong Người một kim chỉ nam – sự định hướng thiên tài cho sự nghiệp tìm đường giải phóng dân tộc.

¹ *Hồ Chí Minh toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, t. 3, tr. 198.

TỪ NĂM 1941 BÁC ĐÃ NHẬN ĐỊNH: “VIỆT NAM ĐỘC LẬP NĂM 1945”

Đại tướng Võ Nguyên Giáp, một trong những học trò xuất sắc và cộng sự gần gũi nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã viết:

“Khi một sự việc đã xảy ra rồi, người ta thường dễ nhìn thấy những gì tất yếu đã dẫn dắt nó từ chỗ còn là khả năng đến chỗ trở thành hiện thực. Ta cũng dễ nói một cách đơn giản: Đúng là nó phải xảy ra như thế, không thể khác được.

Thực ra, trong lĩnh vực xã hội, trong cuộc đấu tranh giữa những con người có ý thức, mỗi đối thay đều trải qua những quá trình diễn biến thường là hết sức phức tạp. Người lãnh đạo cách mạng phải tìm ra được quy luật chung và quy luật riêng của sự vật giữa một mớ hỗn độn những hiện tượng giả, thật khó phân, giữa vô vàn mối liên hệ chằng

chặt, tất cả đều vận động phát triển không ngừng. Việc dự kiến chính xác, khoa học chiều hướng phát triển của sự vật, những tình huống lớn sẽ xảy ra trong tương lai vô cùng quan trọng trong công tác cách mạng. Thực tế cùng với thời gian sẽ là nhà kiểm nghiệm nghiêm khắc. Những điều tiên tri đó thuộc về những thiên tài”¹.

Không chỉ trong tác phẩm này mà ở nhiều cuốn sách, bài viết khác trong những hồi ức của Đại tướng Võ Nguyên Giáp và các đồng chí lãnh đạo khác đã cho thấy khả năng dự báo, mang tính tiên tri – một năng lực đặc biệt, một phẩm chất mang tính thiên tài của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ kính mến của Đảng và dân tộc ta. Năng lực – phẩm chất đặc biệt này được hình thành từ rất sớm, trong quá trình hoạt động cách mạng và được biểu lộ thông qua những nhận xét, đánh giá đúng bản chất khách quan, chiều hướng phát triển về mọi mặt của tình hình, của các mối quan hệ giữa ta và địch, thế và lực, trong và ngoài, hiện tại và tương lai – những yếu tố cần thiết để từ đó vạch ra đường lối, chiến lược, sách lược đúng đắn của cuộc cách mạng do Người và Đảng ta lãnh đạo. Những tiên

¹ Những chặng đường lịch sử, NXB Văn học, 1977, tr.274.

đoán của Người đã góp phần tạo nên những bước phát triển cho tiến trình cách mạng Việt Nam.

Xin hãy đọc lại những mẩu chuyện thật cụ thể, sinh động do chính Đại tướng Võ Nguyên Giáp kể, thể hiện sự phán đoán sáng suốt, quyết định tài tình trong lãnh đạo, chỉ đạo của Người từ những ngày đầu cách mạng. Đó là vào thời điểm nóng bỏng của Chiến tranh thế giới thứ hai, quân đội phát xít Đức tràn qua nhiều nước châu Âu, chỉ trong vài tuần đã chiếm được Pháp và đẩy Anh vào những trận mưa bom vô cùng khốc liệt. Ở châu Á, lúc này, phần lớn đất đai của Trung Hoa đã bị phát xít Nhật giày xéo. Chính vào thời kỳ cường thịnh nhất đó của chủ nghĩa phát xít, Bác Hồ đã tiên đoán sự thất bại của chúng và nhìn thấy thời cơ cho Việt Nam giành lại độc lập. Người đã quyết định trở về nước.

Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 họp vào tháng 5-1941, dưới sự chủ trì của Người đã nhận định: *“Nếu cuộc chiến tranh đế quốc lần trước đã để ra Liên Xô, một nước xã hội chủ nghĩa, thì cuộc đế quốc chiến tranh lần này sẽ để ra nhiều nước xã hội chủ nghĩa, do đó mà cách mạng nhiều nước thành công”*.

Trước những điều kiện khách quan thuận lợi đó, Bác Hồ và Trung ương đã đặt vấn đề giải phóng dân tộc thành nhiệm vụ cách mạng cần

kíp và coi việc chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của toàn dân tộc trong giai đoạn hiện tại.

Xin đọc chậm và cố gắng hình dung những đoạn phim quá khứ trong những dòng hồi ức của nhà chỉ đạo quân sự Võ Nguyên Giáp:

“Trời tối, trong hang rất lạnh, phải đốt lửa sưởi suốt đêm. Không có đèn, nên buổi tối ít khi làm việc. Anh em thường ngồi quây quanh đống lửa nghe Bác nói chuyện. Một lần, Bác nhắc lại những cuộc chiến tranh lớn, những cuộc cách mạng từ trước tới nay, rồi Bác phỏng đoán độ bốn, năm năm nữa, chiến tranh sẽ tới bước quyết định, và lúc đó là một cơ hội rất tốt cho cách mạng nước ta.

Khuya khuya, mọi người ngủ chung cả trên sàn. Những cành cây ngổ ngang dưới lưng, nằm vừa đau vừa lạnh.

Có lần, Bác viết một cuốn lịch sử Việt Nam bằng thơ lục bát, ghi lại tất cả những phong trào chống ngoại xâm từ trước đến nay. Bác đã viết vào cuối trang mục lục: “Việt Nam độc lập năm 1945”. Anh em người nói sớm, kẻ nói muộn. Bác nghe trao đổi chỉ nói: “Để rồi xem”¹.

Ở một đoạn khác, Đại tướng kể:

“Trong những đêm đông giá lạnh, tránh bọn lính đông đi lùng càn tại vùng Pắc Bó, Bác Hồ

¹ Những chặng đường lịch sử, NXB Văn học, 1977, tr. 46-47.

đã tiên đoán ngày cách mạng thành công:

“45, sự nghiệp hoàn thành”

Đó là câu thơ kết thúc tập Việt Nam lịch sử diễn ca Bác đã làm, và được in đá từ hồi đó. Gần đây, các đồng chí sưu tầm của Viện bảo tàng Cách mạng đã kiếm được một tập trong ống bương của một ngôi nhà sàn ở vùng Pắc Bó. Chủ nhà vốn là một hội viên cứu quốc ngày trước”.

Đại tướng cho biết:

“Bác không bao giờ nhắc lại câu thơ này. Từ đó đến nay, bị lôi cuốn vì công việc, anh em chúng tôi cũng chưa ai có dịp hỏi lại Bác vì sao Bác đã có được một sự tiên đoán như vậy. Điều đó đã trở thành một trong những điều ta chưa hiểu hết được về con người và cuộc đời hoạt động cách mạng vĩ đại gần sáu mươi năm của Bác”¹.

Tập diễn ca mà Đại tướng nói ở trên, được Bác viết vào năm 1941, và được Việt Minh tuyên truyền Bộ xuất bản tháng 2-1942, dài 208 câu, mở đầu bằng câu:

“Dân ta phải biết sử ta

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”.

Trong diễn ca lịch sử này, Người điểm lại đường như không thiếu một sự kiện lớn, một

¹ S.đ.d, tr. 275-276.

tên tuổi lớn nào trong lịch sử dân tộc, kể từ ngày Hùng Vương dựng nước (*"Hồng Bàng là Tổ quốc ta"*) cho đến "Trước ngày khởi nghĩa Việt Nam bắt đầu".

Phía cuối, sau diễn ca là một phụ lục, Bác ghi *những năm quan trọng*, gần như biên niên của 30 thời điểm, dấu mốc của những bước ngoặt lịch sử của đất nước. Ở dòng đầu, Bác viết: *Trước Tây lịch; năm 2879: Hồng Bàng* và dòng cuối: *1945: Việt Nam độc lập*.

Thật đáng ngạc nhiên là tập diễn ca được viết vào thời điểm ấy, trong một hang sâu rừng núi, không tài liệu tra cứu, không chuyên gia để trao đổi, Bác đã ghi rất chính xác các sự kiện lịch sử chính yếu của dân tộc. Nhờ đâu và bằng cách nào nếu không phải là sự xuất thần của một bộ óc mẫn tiệp, đầy nhạy cảm, một năng khiếu bẩm sinh được tinh luyện bằng ngọn lửa yêu nước nồng nàn, được soi dọi bằng ánh sáng từ trái tim một con người có bề dày tri thức và kinh nghiệm, thấm nhuần văn hoá cổ kim đông tây, có cả một quá trình quan sát, chiêm nghiệm thực tiễn cách mạng ở hàng loạt nước chính quốc và thuộc địa, sau mấy mươi năm bôn ba tìm đường cứu nước giải phóng dân tộc mình. Sự tiên đoán của Người trong tập diễn ca lịch sử có trước sự kiện "Việt Nam

độc lập” (1945) hơn bốn năm. Cũng trong mạch “tiên đoán” này, ngay từ tháng 10-1944, trong *Thư gửi đồng bào toàn quốc*, Người viết: “*Phe xâm lược gần đến ngày bị tiêu diệt. Các đồng minh quốc sắp tranh được sự thắng lợi cuối cùng. Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh*”¹.

Nhìn lại con đường lịch sử giành độc lập hoàn toàn cho dân tộc, chúng ta thấy một yếu tố hết sức quyết định là Bác Hồ và Trung ương Đảng đã sáng suốt chớp thời cơ Tổng khởi nghĩa giành chính quyền, được các tầng lớp nhân dân hưởng ứng. Như đồng chí Nguyễn Văn Trân, nguyên Bí thư Trung ương Đảng đã khẳng định trong một cuộc tọa đàm với phóng viên báo *Lao động*: “Sự lãnh đạo nhạy bén đó cực kỳ quan trọng cho cách mạng Việt Nam và điều này trong thời gian sau đó, nhiều người cũng chưa nhận thức đúng tầm ý nghĩa lớn lao”².

Và để nắm được thời cơ đó, ngay từ năm 1941, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trương thành lập Mặt trận Việt Minh và tổ chức này

¹ *Hồ Chí Minh toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, t.3, tr. 505-506.

² Báo *Lao Động*, số 217, Chủ nhật 18-8-2002.

đã được phát triển đều khắp trong những năm sau đó, mở ra một mạng lưới cơ sở hoạt động cách mạng trong toàn quốc. Người phân tích nguyên nhân thất bại, rút ra những bài học kinh nghiệm xương máu của Xô viết Nghệ Tĩnh, của các cuộc khởi nghĩa: Yên Bái, Nam Kỳ, Bắc Sơn..., và chính từ thực tiễn, Người nhìn ra những khoảnh khắc hội đủ những điều kiện cần thiết cho sự chín muồi của cách mạng.

Một ngày đầu tháng 6-1940, trong một cuộc du thuyền ở Thúy hồ (Trung Quốc), đồng chí Dương Hoài Nam (tức Đại tướng Võ Nguyên Giáp) hỏi đồng chí Vương (tức Bác Hồ) về điều mà đồng chí Hoàng Văn Thụ dặn lại, đó là vấn đề *“Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông”*, Người nói:

- Vẫn rất cần, nhưng điều kiện tổ chức thì hiện nay chưa chín nên chưa đặt ra¹.

Bác nói nhiều về cuộc chiến tranh chống Nhật của Trung Quốc, chỉ rõ thủ đoạn hai mặt của bọn Quốc dân Đảng và dặn: “Trong việc giao dịch với Quốc dân Đảng, không nên mong chi nhiều. Điều chủ yếu là làm sao cho chúng không cản trở công việc của ta. Phải hết sức bí mật... Hiện nay chỉ có Hồng quân

¹ *Những chặng đường lịch sử*, NXB Văn học, 1977, tr. 29.

Liên Xô và Hồng quân Trung Hoa mới là những đội quân anh em, mới là đồng minh thực sự của ta”.

Cũng từ dịp ấy, nhìn thấy trước thiên hướng và triển vọng của lớp học trò và những người đồng chí trẻ tuổi của mình, Người đã dặn dò đồng chí Dương Hoài Nam, phải: *“Cố gắng học thêm về quân sự”*.

Và bốn năm sau, người thanh niên học sinh – giáo viên sử học được Bác trực tiếp đào tạo, rèn luyện đó đã được giao nhiệm vụ chỉ huy Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, rồi tiếp bốn năm nữa đã trở thành Đại tướng Quân đội nhân dân Việt Nam góp phần xứng đáng vào những chiến thắng lẫy lừng của Việt Nam sau này.

Trong ký ức nhà lãnh đạo quân sự còn ghi lại biết bao điều thần diệu mà ông được nghe, được nhìn thấy ở Người thấy cách mạng có tầm nhìn chiến lược thiên tài. Đó là những lần xem xét, quyết định các trận đánh lớn như Đông Khê, Điện Biên Phủ và đặc biệt là tại cuộc họp ở Quế Lâm, Trung Quốc, Bác nhận định về cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ: “Tình hình chung thế giới và Đông Dương ngày càng có lợi cho ta, nhưng thời cơ chưa đến, chưa thể khởi nghĩa được. Song nay đã nổ ra rồi, thì cần tổ chức rút lui

cho khéo để duy trì phong trào”.

Lại nhớ, năm 1941, tại Pắc Bó, Bác chỉ thị tổ chức đội vũ trang đầu tiên ở Cao Bằng với những đội viên mà sau này trở thành các vị tướng tá lừng danh như Lê Quảng Ba, Hoàng Sâm, Bằng Giang, Lê Thiết Hùng, Đức Thanh, Thế An... Ngay từ buổi đầu ấy, Bác đã nói: “Tuy cái gì cũng thiếu, nhưng dũng cảm có thừa”. Và để đáp lại những suy nghĩ nông cạn của một ai đó đã so sánh lực lượng của ta và Pháp chẳng khác nào: “Châu chấu đá voi!”, Bác đã khẳng định một cách đanh thép rằng: “Ngày nay châu chấu đá voi. Ngày mai voi sẽ bị lò ruột ra”. Bác còn giải thích: “Bây giờ chúng ta mới có vài chục người du kích, chắc chắn sau này chúng ta sẽ có hàng chục vạn hùng binh!”.

Tháng 12 năm 1954, kỷ niệm lần thứ 10 ngày thành lập Quân đội nhân dân, Bác thêm một lần khẳng định: “*Những đội du kích nhỏ bé năm kia, đã thành hàng vạn Quân đội nhân dân hùng mạnh*”.

Từ trong đêm tối của chế độ thực dân phong kiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhìn thấy trước viễn cảnh của ngày mai tươi sáng. Người nhìn thấy và chỉ ra cho mọi người cùng thấy, song, đồng thời, Người luôn luôn nhắc nhở: “*Cách*

*mạng phải gian khổ, việc cách mạng là việc lâu dài, cách mạng nhất định sẽ thắng!", "Phong trào cách mạng như nước thủy triều khi lên khi xuống, trung kiên cũng như những hàng cọc, cọc đóng có chắc thì mới giữ được phù sa, phòng khi nước xuống"*¹.

Nói về công ơn đào tạo, rèn luyện của Bác, Đại tướng Võ Nguyên Giáp vẫn thường nhắc lại chuyện khi trao nhiệm vụ Nam tiến cho một số cán bộ chỉ huy, đến lúc đó, Bác vẫn bảo: "*Chú Văn phải chú trọng thêm quân sự*".

Chú Văn - tức Đại tướng Võ Nguyên Giáp, người anh Cả của các lực lượng vũ trang Việt Nam đã nhận được từ Bác biết bao lời dạy bảo quý giá. Như khi Bác nhận xét về Nghị quyết vũ trang khởi nghĩa của liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng (tháng 4-1944):

"Chủ trương phát động chiến tranh du kích ở Cao - Bắc - Lạng là mới chỉ căn cứ vào tình hình địa phương mà chưa căn cứ vào tình hình cụ thể trong cả nước, mới chỉ thấy bộ phận mà chưa thấy toàn cục. Trong điều kiện bây giờ, nếu phát động ngày nhân dân nhất tề nổi lên đánh du kích theo quy mô và phương thức đã định trong nghị quyết, thì sẽ gặp nhiều khó

¹ *Những chặng đường lịch sử*, NXB Văn học, 1977, tr. 86-87.

khăn, có thể còn khó khăn hơn thời kỳ bị
khủng bố vừa rồi. Bởi vì, các địa phương khác
trong toàn quốc tuy phong trào cách mạng
đang lên cao nhưng hiện chưa nơi nào có điều
kiện vũ trang chiến đấu để sẵn sàng hưởng
ứng. Tình hình khu căn cứ Bắc Sơn - Vũ Nhai
ra sao, cũng chưa nắm được. Quân khởi nghĩa
Cao - Bắc - Lạng đơn độc dấy lên, nhất định
để quốc sẽ mau chóng tập trung lực lượng đàn
áp. Riêng về mặt quân sự, thì cũng không theo
đúng nguyên tắc tập trung lực lượng: cán bộ,
vũ khí đều phân tán, thiếu hẳn một lực lượng
nòng cốt”.

Người nhận định: “Bây giờ thời kỳ cách
mạng hòa bình phát triển đã qua, nhưng thời
kỳ toàn dân khởi nghĩa chưa tới. Nếu bây giờ
chúng ta vẫn chỉ hoạt động bằng hình thức
chính trị thì không đủ để đẩy mạnh phong trào
đi tới. Nhưng phát động vũ trang khởi nghĩa
ngay thì quân địch sẽ tập trung đối phó. Cuộc
đấu tranh bây giờ phải từ hình thức chính trị
tiến lên hình thức quân sự. Song hiện nay
chính trị còn trọng hơn quân sự. Phải tìm ra
một hình thức thích hợp thì mới có thể đẩy
phong trào tiến lên. Nếu phát động đấu tranh
mà mỗi khi địch đến, nhân dân lại phải tản cư
vào rừng núi, thì sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

Phải làm sao, cứ hoạt động vũ trang mà dân ở đâu cứ ở đấy sản xuất, chỉ cần tăng cường canh gác để phòng không để địch bắt, hại những người hoạt động...”

Rồi Người đề ra một cách giải quyết: “*Lực lượng vũ trang của ta hiện nay đã ít lại phân tán quá. Bây giờ nên tập hợp những cán bộ, chiến sĩ anh dũng nhất, những vũ khí tốt nhất, tổ chức thành một đội vũ trang tập trung để hoạt động. Ta sẽ dùng hình thức vũ trang để gây ảnh hưởng cách mạng sâu rộng trong quần chúng. Tác chiến phải nhằm gây được ảnh hưởng tốt về chính trị, do đó mà mở rộng cơ sở, phát triển lực lượng vũ trang. Chúng ta sẽ lập đội quân giải phóng...”*¹

Chính trong giờ phút đó, đồng chí Võ Nguyên Giáp được chỉ định đảm nhiệm việc lập đội quân giải phóng. Với quyết định mới mẻ, đầy sáng tạo, với những nhận định sáng suốt, mang ý nghĩa tiên tri, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, tức Chủ tịch Hồ Chí Minh sau này, trở thành người cha thân yêu của các lực lượng vũ trang Việt Nam.

Được biết, những ngày tháng ấy, tình hình hết sức khẩn trương. Khẩn trương, nhưng không thể

¹ Những chặng đường lịch sử, NXB Văn học, 1977, tr. 129-131.

nóng vội, không thể ăn non. Như hai câu thơ Bác viết trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch, trước đó chừng 2 năm:

*“Phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ,
Kiên quyết, không ngừng thế tấn công;
Lạc nước, hai xe đành bỏ phí,
Gặp thời, một tốt cũng thành công”*

(Học đánh cờ)

Phải nhìn cho rộng, phải thấy trước và bắt mạch đúng tình hình thời đại, Bác tự khuyên mình và cũng nhắc nhở các cộng sự của mình như vậy. Nhà tiên tri của cách mạng, vị lãnh tụ anh minh, người Cha thân yêu của quân đội ta, ở thời điểm ấy trong hình ảnh một Ông Ké, một Già Thu với bộ quần áo chàm và đôi giày vải Tàu cũ màu đen đã để lại cho các thế hệ sau biết bao lời dạy dỗ sâu sắc; bao gồm cả những điều dự báo, tiên đoán chính xác đến mức ngạc nhiên... Chính từ những tia lửa nhỏ ban đầu ấy đã bùng cháy rực sáng, đưa tới những chiến công lừng lẫy hoàn cầu sau này, làm kinh hoàng, bạt vía kẻ thù. Trong những trang hồi ký về thời kỳ khẩn trương ấy, các đồng chí Hoàng Văn Thái, Lê Thiết Hùng, Lê Quảng Ba... đều nhắc lại những đêm mùa đông trên núi cao, giữa căn buồng giá lạnh, không đèn đóm, mỗi người gối đầu trên một khúc gỗ

cứng, nằm nghe Bác phác thảo những nét chính về đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, chỉ ra từ công tác tổ chức đến phương châm hành động, và cả việc cung cấp lương thực, đạn dược. Bác dặn đi dặn lại: *“Phải dựa vào dân, dựa chắc vào dân thì kẻ địch không thể nào tiêu diệt được!”*¹.

Buổi chiều ngày Bác duyệt kế hoạch thành lập đội Tuyên truyền Giải phóng quân, Bác nói:

- *Tình hình quốc tế đang có nhiều thuận lợi. Trong vòng một tháng phải có hoạt động. Trận đầu nhất định phải thắng lợi!*²

Và Người, trong bản Chỉ thị thành lập đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, được viết như một bức thư nhỏ đặt trong bao thuốc lá, đã nêu đầy đủ đến từng chi tiết những vấn đề về tổ chức, ý nghĩa, phương pháp hành động, chiến thuật, vạch ra cả một tiền đồ rộng lớn của đội quân cách mạng:

“Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân là đội quân đàn anh, mong cho chúng có những đội quân đàn em khác.

Tuy lúc đầu quy mô của nó còn nhỏ, nhưng tiền đồ của nó rất vẻ vang. Nó là khởi điểm của

¹ *Những chặng đường lịch sử*, NXB Văn học, 1977, tr. 132.

² S.đ.d, tr. 133.

Giải phóng quân, nó có thể đi suốt từ Nam chí Bắc, khắp đất nước Việt Nam chúng ta”¹.

*

* *

Ngay cả khi Bác mệt, sốt cao, nằm mê sảng trên lán giữa rừng, Người vẫn nghĩ đến thời cơ Tổng khởi nghĩa, giành độc lập cho dân tộc. Bấy giờ, Nhật đảo chính Pháp đã được một thời gian. Sau Chỉ thị của Trung ương Đảng: *“Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”*, Bác nói với đồng chí Võ Nguyên Giáp: *“Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”*. Và ngày 19-8-1945, ngày lịch sử thiêng liêng ấy là do Bác và các đồng chí quyết định, không thể sớm hơn hay muộn hơn một ngày.

¹ S.d.d, tr. 140.

DỰ KIẾN TRƯỚC MỌI TÌNH HUỐNG

- *Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi*
- *Chiến lược thu dụng người tài*

Giáo sư Trần Văn Giàu, trong hồi ký “Như có Bác Hồ ngày 23-9-1945 ở Sài Gòn, viết: “Chúng ta có một vị không phải trời Phật Thánh thần mà như có mặt mọi lúc, mọi nơi, ở trong tâm trí của mỗi người chúng ta, khuyến khích ta khi ta yếu đuối, soi sáng ta khi ta ám muội, dựng ta dậy khi ta trượt ngã, cổ vũ ta khi ta làm đúng, làm tốt. Ta làm quấy chẳng, dù nhỏ, ta thối chí chẳng, dù chỉ khoảnh khắc, ta thấy thẹn với vị ấy. Và tương đến vị ấy, ta lại phải làm, ta lại quật cường. Vị ấy là Chủ tịch Hồ Chí Minh, ta thân mật gọi là Bác Hồ”. Ông còn viết: “Tôi trực giác rằng, trên cả hai nghĩa trắng đen của từ, Cụ Hồ là người ái quốc chon chính nhất, một kẻ sĩ có tấm lòng sáng như nhật nguyệt. Phục vụ cách mạng dưới quyền

lãnh đạo của một người như thế, còn gì vững dạ bằng, còn gì sung sướng hơn, chắc rồi khó khăn lớn mấy, nhiều mấy cũng có thể giải quyết thắng lợi”.

Tưởng đó cũng là cảm nghĩ tự đáy lòng của nhiều cán bộ, đảng viên lão thành của cách mạng Việt Nam như Trần Văn Giàu. Nhớ lại, sau ngày 2-9-1945, tình hình Nam Bộ rất phức tạp, những người lãnh đạo đã có những chủ trương rất khác nhau trong việc đối phó với địch, phải đánh lại ngay hay kiên nhẫn chờ đợi lệnh? Bắc Nam đường xa nghìn dặm, tình hình thay đổi từng giờ, làm sao dung hoà, phối hợp được giữa hai chủ trương? Chính vào lúc ấy, những người lãnh đạo ở Sài Gòn quyết định lấy tư tưởng và tinh thần Cụ Hồ để hướng dẫn hành động chung. Giáo sư Giàu viết: *“Vô hình chung Cụ Hồ đã đến với chúng tôi ngay buổi sáng 23...”*. Phân tích trên cơ sở nội dung của Bản Tuyên ngôn độc lập và sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương ở Hà Nội, các vị “tin chắc rằng Cụ Hồ sẽ chuẩn y ý kiến đánh”... Tin tức gần nhất từ Hà Nội vào, như lời Giáo sư Giàu, “về thái độ cương nhu đúng mực của Cụ Hồ đối với bọn Lư Hán - Tiêu Văn đã chứng tỏ rằng Cụ Hồ vừa cứng như cán cung, vừa dẻo như cánh cung, mũi tên Cụ buông ra vì vậy có thể bay thật xa, cắm trúng đích”. Và

Ủy ban kháng chiến đã phát đi tờ Hịch đến quân và dân Sài Gòn, Nam Bộ, kêu gọi “tất cả đồng bào, già trẻ, gái trai, hãy cầm vũ khí xông lên đánh đuổi quân xâm lược...”.

Mấy chục năm, sau sự kiện ấy, Giáo sư Trần Văn Giàu xúc động hồi tưởng: “Quả thật là như có Bác Hồ trong ngày 23 tháng 9, trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến. Tinh thần, tư tưởng của Bác đã cho phép chúng tôi ứng xử đúng và kịp thời trong một cảnh ngộ khách quan cực kỳ gay go. Âm lòng thay, vũng dạ thay, khi được chiến đấu dưới cờ của một bậc chí minh lúc nào, nơi nào cũng dường như ở cạnh ta, khiến ta luôn không thấy cô đơn...”

Vào thời điểm ấy, sau Tổng khởi nghĩa thắng lợi, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa vừa ra đời song phải đối mặt trước muôn vàn khó khăn, đó là ngót hai chục vạn quân Tưởng, nửa vạn quân Anh, Ấn, quân viễn chinh Pháp, và Nhật mỗi lực lượng cũng mấy vạn tên đang ra sức chống phá chính quyền cách mạng non trẻ. Vận mệnh dân tộc như ngàn cân treo sợi tóc, đòi hỏi phải có một sự nhìn nhận thật sáng suốt để chèo lái con thuyền cách mạng vượt qua ghềnh thác đi lên.

Trung ương Đảng ra chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc” (25-11-1945) nêu rõ nhiệm vụ trong

nước lúc này là *“phải củng cố chính quyền chống thực dân Pháp, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân”*.

Trong bút ký *“Công việc khẩn cấp bây giờ”*, Bác Hồ chỉ rõ: cuộc kháng chiến của ta phải kết hợp với kiến quốc. Đó là cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện và trường kỳ. Điều quan trọng bậc nhất là *“phải làm cho dân ta có Tín tâm và Quyết tâm”*. Bác nhận định rằng địch sẽ đánh ta đến cùng, *“vì nó thất bại ở Việt Nam, thì toàn bộ cơ nghiệp đế quốc nó sẽ tan hoang”*. Địch sẽ mang nhiều viện binh, tàu bay, xe tăng sang ta tàn phá, khủng bố dữ dội mong làm dân ta hoảng sợ, nhưng lực lượng địch chỉ có hạn. Nếu ta kiên quyết chống chọi qua giai đoạn chiến tranh chớp nhoáng, *“cố rán sức qua khỏi mùa đông lạnh lẽo, thì ta sẽ gặp mùa xuân”*.

Cuộc kháng chiến chống Pháp, trong dự đoán của Bác, là chắc chắn sẽ xảy ra. Ngay từ buổi đầu ở Tân Trào về Hà Nội, Bác đã nói với ông Nhị Quý, Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên lúc đó, rằng, *“Bác cháu ta sẽ lại trở về Việt Bắc thôi”*. Ngay sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, trước khi về Hà Nội, Người giao nhiệm vụ cho đồng chí Phạm Văn Đồng – khi đó là Bộ trưởng Bộ Kinh tế - và một số cán bộ ở lại một thời gian để củng cố căn cứ. Cuối tháng 10 năm

1946, Người lại phái đồng chí Nguyễn Lương Bằng lên Việt Bắc để lãnh đạo các công việc chuẩn bị. Đồng chí Trần Đăng Ninh được phân công phụ trách các đội công tác cũng được phái lên đó để chuẩn bị các An toàn khu.

Ông Trần Quốc Hương, một trong những cán bộ giúp việc cho đồng chí Nguyễn Lương Bằng, sau này trở thành nhà chỉ huy tình báo chiến lược, đã kể về chuyện nhìn xa, trông rộng của Bác gắn với chuyến di dời kho muối cùng những tình tiết nhớ đời trong câu chuyện về bản thân được Bác Hồ đặt cho “*biệt danh*” “*Hương chủ quan*”¹. Căn nguyên từ chuyến di chuyển căn cứ lên Chiến khu Việt Bắc, đồng chí Nguyễn Lương Bằng đã nói với ông: “Bác Hồ đã dặn chúng ta: *Kháng chiến tất nhiên phải lâu rồi, nhưng bao lâu thì ta chưa biết được. Các chú cứ phải đề phòng từ 5 đến 10 năm, phải làm thế nào để đến khi thắng lợi bộ đội và nhân dân Việt Bắc vẫn có muối dùng*”.

Hồi đó, ông Hương còn đang giữ kho muối khoảng hai vạn tấn. Bác Hồ đã dặn riêng ông: “*Chú phải đưa hết số muối này đi. Vàng bạc để lại cũng được. Việt Bắc mà không có muối là không sống được*”.

¹ Báo Công an nhân dân, số Xuân Giáp Thân 2004.

Ông Hương đã cho chuyển kho muối lên Xuân Mai, Hòa Bình an toàn. Đồng chí Nguyễn Lương Bằng đi kiểm tra kho. Lúc đưa đồng chí Bằng về, thay vì đợi trời tối, ông nghĩ đơn giản: Tây sang bên mình, gặp xứ nóng chịu không nổi, thế nào cũng phải “*la sieste*” (ngủ trưa). Đoạn đường chỉ có 7 cây số lại là đồng trống. Minh lợi dụng lúc này đi là an toàn nhất. Đồng chí Nguyễn Lương Bằng vốn rất cẩn thận, nhưng không hiểu sao lúc ấy lại tin tưởng ông Hương, đã đồng ý ngay. Vừa đi được 3 cây số, mọi người phát hiện 2 chiếc máy bay cổ ngỗng đang rà theo sát sát. Vậy là mạnh ai nấy nhảy ra khỏi xe, vừa kịp thoát khỏi loạt liên thanh đầu tiên. Ông Hương định thần lại, nhìn ra đã thấy cả vạt rừng lau đang nổ lốp đốp. Đồng chí Bằng mặt mày nám khói đen kịt, trầy xước. Ông Hương phải mượn một chiếc xe của anh em ở trạm gần đấy đưa đồng chí Nguyễn Lương Bằng về chỗ Bác Hồ nhưng lúc đến nơi rất sợ, không dám vào gặp Bác. Biết không thể nào tránh được, ông mon men đến gần đồng chí Vũ Kỳ, thư ký của Bác. Đồng chí Kỳ không biết thật hay đùa bảo: “Bác hôm qua giận lắm đấy!”. Đồng chí Hương lại tìm đồng chí Hoàng Hữu Kháng, đội trưởng Đội cận vệ để thăm dò ý Bác. Đồng chí Kháng thuật lại:

“Hôm qua anh Cả về, chỉ nghe Bác nói vọng ra câu: Thế chú lớn hay Hương nó lớn?”. Vậy là ông Hương yên trí. Tối đó, ngồi ở ngoài rót nước uống nhưng cố tình chạm ly tách để Bác lên tiếng. Bác hỏi: “Ai vậy?”. “Dạ con, Hương đây Bác!”. Bác hỏi: “Tại sao chú đi với anh Cả mà anh Cả về từ tối qua, đến giờ chú mới về?”. Đồng chí Mười Hương càng ấp úng, Bác càng truy cho ra. Cuối cùng, Bác đưa cho ông một ly nước cam và chiếc quạt, bảo có nóng thì quạt đi cho mát. Bác nói: “Chú là chú chủ quan lắm nhé. Suýt nữa là cái sảy nảy cái ung. Nếu anh ấy bị thương hay chết thì có phải thiệt hại biết bao nhiêu!”. Đồng chí Mười Hương xin phép Bác về, Người đưa cho ông 2 quả cam, ông ăn một quả, còn một quả tạt qua nhà cho con. Bác dặn: *“Chớ có chủ quan nữa đấy! Tôi đặt tên cho chú là “Hương chủ quan”.*

Đến tận ngày nay, đồng chí Mười Hương vẫn nhớ mãi câu nói của Bác “Cái sảy nảy cái ung” và biệt danh nhớ đời Bác đặt cho, nhưng đặc biệt nhớ lời Bác dặn dò về kháng chiến trường kỳ. Rõ ràng là tầm nhìn của Bác thật xa, thật rộng. Về câu chuyện này, Cụ Lê Văn Hiến, cố Bộ trưởng Bộ Tài chính, trong cuốn *Nhật ký của một bộ trưởng*, cũng kể: *Là người thận trọng, thiết thực và có trực giác tiên tri thiên tài, Bác*

giao cho ông Nguyễn Lương Bằng, lúc đó là Trưởng ban Tài chính Trung ương, lo việc vận chuyển hai vạn tấn muối từ kho Vạn Lý (Nam Định) lên Việt Bắc và Tây Bắc trước khi quân Pháp đánh chiếm miền ven biển nước ta. Số muối ấy, về sau vừa vận đủ cho cán bộ, nhân dân vùng căn cứ dùng trong suốt 8 năm kháng chiến trường kỳ. Sự tiên đoán của Bác chính xác đến mức diệu kỳ!

Ngoài muối, theo lệnh của Bác, Nha tiếp tế thuộc Bộ Kinh tế lo việc dự trữ thóc gạo. Hàng vạn tấn máy móc, vật tư cũng được nhanh chóng chuyển lên ATK (An Toàn Khu). Đại tướng Võ Nguyên Giáp, trong tác phẩm *“Chiến đấu trong vòng vây”* đã cho biết: *“Mặc dù bị địch phong tỏa chặt chẽ miền biển, khi mở Chiến dịch Biên giới năm 1950, chúng ta vẫn còn bốn chục tấn muối để chuyển lên Cao Bằng”*.

Lại nhớ chuyện năm 1947, Người ký sắc lệnh thành lập Ủy ban Tản cư Trung ương và chỉ thị tổ chức hội nghị bàn về việc tổ chức giúp đỡ đồng bào tản cư tại Ninh Bình. Thư gửi đồng bào tản cư, Bác viết: *“Tản cư cũng là kháng chiến”, “Tản cư cũng phải tăng gia sản xuất”*. Người kêu gọi đồng bào hậu phương: *“Nhiều điều phải lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng”*.

Người coi hai tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An là căn cứ thứ hai của kháng chiến trên miền Bắc.

Người dạy: cuộc kháng chiến phải trường kỳ, và ngay từ lúc đó đã chỉ ra phương hướng của cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện: Pháp có xe tăng, đại bác thì ta phá đường. Pháp có máy bay thì ta đào hầm. Pháp muốn đánh chớp nhoáng thì ta kéo dài. Nhất định ta thắng.

Và như Bác tự nhận trong bài “Tự phê bình” đăng trên báo năm 1946:

“Phận sự tôi như một người cầm lái, phải chèo chống thế nào để đưa chiếc thuyền Tổ quốc vượt khỏi những cơn sóng gió, mà an toàn đi đến bờ bến hạnh phúc của nhân dân...”

Suốt chặng đường của cuộc kháng chiến đầy cam go gian khổ, đồng chí, đồng bào luôn thấy ở Bác một sự nhạy cảm lạ thường: Người dường như thấu hiểu mọi trạng thái tư tưởng, tình cảm của kẻ địch. Chính vì vậy Bác đã vận dụng một cách vô cùng sắc bén những đối sách cụ thể với từng loại kẻ địch, với từng tên.

Nhà cách mạng lão thành Hồ Đức Thành kể lại: Sau Cách mạng Tháng Tám, quân Tưởng ô ạt kéo vào nước ta với danh nghĩa giải giáp quân Nhật... Nhưng âm mưu đen tối của chúng là: “Diệt Cộng cầm Hồ” thành lập chính phủ quân sự hòng noi theo vết xe đổ của các triều

dại phong kiến trước kia để chiếm đóng lâu dài nước ta. Chúng bật đèn xanh cho bọn Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Hải Thần gây bao tội ác trời không dung đất không tha.

Quân Tưởng, hoặc công khai, hoặc bí mật, đồng loã với bọn Việt quốc chiếm cứ thị xã, thị trấn của một số tỉnh mà chúng đi qua, rồi lập chính quyền phản động tại đó như ở Hà Giang, Lào Cai, Phú Thọ, Việt Trì... tiến hành cướp bóc, chém giết, bắt cóc cán bộ và đồng bào ở các nơi đó, kể cả Thủ đô Hà Nội.

Với lòng căm thù vô hạn, cán bộ, bộ đội và nhân dân ta khắp nơi sôi sục, ai cũng muốn đứng lên liều sống mái một phen để tiêu diệt chúng.

Một buổi sáng mùa đông năm 1945, mấy cán bộ chủ chốt ở Việt Trì, Phú Thọ được anh Trần Huy Liệu thay mặt Tổng bộ Việt Minh đưa đến dinh Chủ tịch báo cáo về việc quân Tưởng bao che bọn Việt quốc chiếm cứ Phú Thọ, Việt Trì, đồng thời thỉnh thị Bác về việc cho đánh quân Tưởng và bọn Việt quốc...

Bác lắng nghe các anh lần lượt báo cáo những tội ác của quân Tưởng và bọn Việt quốc. Quân Tưởng đóng ở vùng này lúc đó là quân đoàn của tên Chu Phúc Thành. Nghe báo cáo xong, Bác hỏi:

- Vậy ý kiến các chú định đối phó thế nào?

- Thưa Bác, chúng cháu ở địa phương đã thống nhất là quyết đánh, mà đánh sẽ nhất định thắng.

Bác quay sang hỏi anh Liệu:

- Vậy ý kiến chú Liệu thế nào?

Anh Liệu hết sức ủng hộ ý kiến của địa phương và cũng cam kết quyết thắng!

Bác lặng lẽ chia sẻ với những người đồng chí trẻ của mình về nỗi đau thương, mất mát do quân Tưởng và bọn bán nước gây ra cho đồng bào rồi điềm đạm nói:

- Chúng ta đang đứng trước gần 20 vạn quân địch chiếm đóng theo hiệp ước quốc tế mệnh danh Đồng minh vào giải giáp quân Nhật. Vì vậy đánh hay không, cần phải hết sức thận trọng, tính toán, cân nhắc, phân tích kỹ lưỡng. Nếu không sẽ có tội với nước nhà, với lịch sử.

Bác nói tiếp:

- Trước hết ta cần phải nhận thức về ta (biết mình). Về ta thế nào thì các chú rõ rồi đó. Còn về địch, "*biết người*", về số lượng và vũ khí, về bối cảnh xã hội, về tính năng... Chúng đi giày cỏ, ăn gạo lứt, cũng có thể luân rừng, lội suối khắp hang cùng ngõ hẻm, chịu đựng gian khổ không kém gì ta.

Nếu chiến tranh xảy ra, mấy chục vạn Hoa kiều trên đất nước ta cũng có thể có một bộ

phận trở thành đội quân thứ 5 của chúng.

Biên giới Trung Quốc bao quanh gần hết biên giới phía Bắc nước ta, với kỹ thuật hiện đại, giao thông tiếp tế của họ cũng không phải là khó khăn lắm.

Về danh nghĩa, họ là quân Đồng minh, nếu đánh họ thì khó được sự đồng tình ủng hộ của thế giới.

Suy cho cùng, - Bác nhấn mạnh - *nếu ta phát động một cuộc chiến tranh như vậy là không thích ứng các yếu tố: Thiên thời - Địa lợi - Nhân hòa.*

Nhưng, điều quan trọng nhất, mấu chốt nhất mà ta phải biết là: Hiện quân Tưởng đang bị hai sức ép lớn. *Một là*, Đảng Cộng sản Trung Quốc đang lãnh đạo những đội quân hùng mạnh (Hồng quân) từ miền Đông Bắc đánh xuống, làm cho quân Tưởng phải tập trung toàn lực, kể cả 20 vạn quân hiện đóng ở nước ta để đối phó, mà chắc chắn chúng sẽ tuyệt vọng. *Hai là*, theo Hiệp ước Pháp - Tưởng thì Tưởng sẽ rút toàn bộ quân lực về nước họ, nhường cho quân Pháp vào thay thế.

Với hai áp lực trên, quân Tưởng nhất định sẽ rút khỏi nước ta. Nghĩa là ta không đánh chúng cũng phải rút. Vậy thì tại sao ta lại bắt dân ta phải đổ máu không cần thiết để

chống quân Tưởng.

Chính lúc này đây, hơn bao giờ hết, chúng ta phải tập trung toàn lực để chống kẻ thù chính, kẻ thù lâu dài, đó là đế quốc thực dân phản động Pháp. Pháp là kẻ xâm lược cũ của ta, ta đánh Pháp nhất định sẽ được thế giới đồng tình. Đối với quân Tưởng, ta phải khôn khéo, kiên nhẫn đối phó, ngăn chặn sự tàn phá của chúng đối với ta.

Bác căn dặn:

- Mỗi khi giải quyết vấn đề phải có quan điểm toàn diện, tránh cục bộ địa phương. Chúng ta thấy Việt Trì, Phú Thọ..., nhưng cũng phải thấy cả Thủ đô Hà Nội, thấy toàn quốc. Thấy địa phương phải thấy cả trung ương...

Kể tới đó, tác giả Hồ Đức Thành kết luận:

- Đó là tầm chiến lược của Bác đối với kẻ thù. Không chỉ với Tưởng, mà cả với Pháp, Nhật, sau này đều ứng nghiệm cả. Một số học giả coi Bác là bậc tiên tri¹.

Trong *Hồi ký song đôi*, nhà thơ Huy Cận có thuật lại một chi tiết nói lên tầm nhìn xa trông rộng của Bác Hồ. Đó là đêm hôm Đại hội Tân Trào bế mạc, Người đến thăm các đồng chí Trần Huy Liệu, Trần Đức Thịnh và các đại biểu

¹ Tạp chí *Hữu nghị*, số 34, tháng 8 - 2002.

ở cùng nhà, trong đó có Huy Cận. Nhà thơ kể: “Tôi ở cùng nhà với anh Liệu, cho nên được nghe những lời Bác dặn. Anh Liệu và anh Thịnh là hai đồng chí hoạt động đã lâu năm mà tính tình lại sôi nổi. Hai anh nghĩ rằng: Về Hà Nội mà lại gặp bọn thực dân Pháp nhảy dù xuống hay đổ bộ vào là phải đánh ngay. Tôi còn nhớ anh Liệu nói: “*Mấy thằng Tây quèn quỳ gối đầu hàng Nhật, chúng lộ mặt ra là phải quét ngay!*”. Anh Thịnh cũng gật gù tán thành. Tôi nghe Bác giải thích, giọng điệu chậm rãi, tiếng hơi khàn vì còn mệt: “*Chú nói mấy thằng Tây quèn, nhưng cả đế quốc Pháp thì nó chưa quèn đâu. Nhất định là nó lăm le cướp lại nước ta. Và nhất định là ta sẽ đánh lại. Nhưng phải đánh như thế nào cho thắng, phải tích lũy lực lượng, không đánh theo kiểu một trận anh hùng rồi ra sao thì ra*”. Sau đó tôi nhớ Bác giải thích thêm: “*Về, ta phải lợi dụng việc Đồng minh vào giải giáp quân Nhật làm cho Đồng minh thấy ý chí độc lập của dân ta và ta phải tổ chức lực lượng*”. Tôi nhớ anh Liệu cũng ngấm ngấm nghe ra dần lời bàn luận của Bác”¹.

Không phải sau Cách mạng Tháng Tám, Bác mới nói về cuộc kháng chiến trường kỳ mà ngay

¹ Tạp chí *Diễn đàn văn nghệ Việt Nam*, số 6-2004, tr. 48.

từ tháng 10 năm 1943, tại Liễu Châu, trong một buổi toạ đàm ở chân núi Lập Ngư Phong, bàn về khẩu hiệu “đánh Pháp, đuổi Nhật”, tình hình Chiến tranh thế giới thứ hai, Bác đã từng giảng giải:

“Hiện nay chúng ta nêu cao khẩu hiệu đánh Pháp đuổi Nhật là đúng. Đánh Nhật để bảo vệ dân ta, tiêu hao lực lượng địch đến mức có thể, góp phần với Đồng minh để tiêu diệt chúng. Nhưng chúng ta phải thấy trước rằng, phát xít Đức, Ý, Nhật nhất định thua. Vì vậy ta không đánh Nhật, Nhật cũng phải rút. Mà kẻ thù chính tương lai và lâu dài của ta là đế quốc thực dân Pháp. Quyền lợi của tư bản độc quyền thực dân Pháp bám chặt ở nước ta gần một thế kỷ, không dễ gì chúng chịu nhả ra. Tuyên bố của Đờ Gôn ở Angiêri đã chứng tỏ điều đó, vì vậy chúng ta cần phải cảnh giác cao độ và chuẩn bị mọi mặt sẵn sàng ứng phó...”¹.

Và khi Cách mạng tháng Tám thành công rồi, Bác và Đảng ta đã dự đoán một cuộc chiến tranh đầy máu lửa sẽ xảy ra. Đồng chí Nguyễn Đông, năm 1946 là Trưởng phòng tác chiến Bộ tổng tham mưu, kể lại rằng: sau khi nghe báo cáo về các vụ xung đột do Pháp gây ra, Bác nói:

¹ Tạp chí *Hữu Nghị*, số 34, tháng 8 – 2002.

*“giữa ta và Pháp nhất định sẽ có đánh nhau. Các chú giữ được hòa bình càng lâu càng có lợi cho ta. Nhưng phải tích cực chuẩn bị chiến tranh. Đánh nhau thì nhân dân ta phải quyết thắng”*¹. Bác đã từng chỉ ra rằng việc Pháp ký *Tạm ước* 14-9-1946 chỉ là thủ đoạn nhằm tranh thủ thời gian hòa hoãn để bọn cực hữu điều động binh lực sang Đông Dương, đầu độc dư luận Pháp và thế giới, tiến công các lực lượng dân chủ và tiến bộ, ổn định hậu phương, đẩy cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương trên quy mô rộng lớn.

Về phía ta, do sớm nhận rõ âm mưu của địch nên trước khi ký *Tạm ước* ở Pháp, Bác đã đồng ý ký *Hiệp định sơ bộ* (6-3-1946). Và trước đó, từ ngày 24-2-1946, Người chủ trì Hội nghị Ban thường vụ Trung ương Đảng, bàn về Chỉ thị về *Tình hình và Chủ trương*. Chỉ thị vạch rõ: “Vấn đề lúc này không phải là muốn hay không muốn đánh (với Pháp). Vấn đề là biết mình, biết người, nhận định một cách khách quan những điều kiện lợi hại trong và ngoài nước để chủ trương cho đúng”. Bác và Trung ương đã chọn con đường hòa với Pháp, nếu chúng công nhận Đông Dương tự chủ chứ không phải là tự

¹ Báo *Người Hà Nội*, số 20, 14-5-2004.

trị. Bác gọi đó là cách cân nhắc kỹ lợi hại, chọn cái nào ít hại nhất thì làm.

Chỉ thị cũng nhấn mạnh: “Điều cốt tử là trong khi mở cuộc đàm phán với Pháp, không những không ngừng một phút công việc sửa soạn, sẵn sàng kháng chiến bất cứ lúc nào và ở đâu, mà còn hết sức xúc tiến việc sửa soạn ấy và nhất định không để cho cuộc đàm phán với Pháp làm nhụt tinh thần quyết chiến của dân tộc ta”.

Nghị quyết phiên họp đầu tiên của Chính phủ Liên hiệp kháng chiến (4-3-1946) do Chủ tịch Hồ Chí Minh thành lập (ngày 2-3-1946) cũng ghi rõ: “chuẩn bị kháng chiến đồng thời đàm phán với Pháp trên nguyên tắc Việt Nam độc lập”.

Việc ký Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 là thật sự quyết đoán kịp thời, đúng lúc. Hiệp định ấy hội tụ các yêu cầu và điều kiện cho phép việc ký kết; về phía ta, tránh được những khó khăn phức tạp và đạt hiệu quả cao nhất trong khả năng thực tế¹. Đại tướng Võ Nguyên Giáp, trong tác phẩm “Những năm tháng không thể nào quên”, có đề cập ý kiến của Hồ Chủ tịch về ý nghĩa thắng lợi này:

¹ Hồ Chí Minh với quan hệ ngoại giao Việt - Pháp thời kỳ 1945 - 1946, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Mã số: 02.100.DH99-71.99, tr. 100.

“Nước ta tuyên bố độc lập từ tháng 8-1945. Nhưng tới nay chưa một cường quốc nào công nhận nền độc lập của ta. Cuộc điều đình với nước Pháp sẽ mở ra con đường làm cho quốc tế thừa nhận ta. Nó sẽ dẫn ta đến một vị trí ngày càng chắc chắn trên trường quốc tế. Đó là một thắng lợi lớn về chính trị”.

Lúc này, trong chủ trương của Bác, đấu tranh ngoại giao để bảo vệ độc lập, chủ quyền của đất nước luôn được đặt song song và gắn liền với việc tranh thủ thời gian bồi dưỡng sức dân, chuẩn bị lực lượng sẵn sàng kháng chiến khi cần thiết. Người nói về mối quan hệ ấy bằng hình ảnh: *“Thực lực là cái chiêng, ngoại giao là cái tiếng, chiêng có to, tiếng mới to”*¹.

Các văn kiện tiếp theo như Chỉ thị *Hòa để tiến*, Lời kêu gọi nhân dân bình tĩnh thi hành *Hiệp định sơ bộ*... càng làm rõ hơn mục đích nói trên.

Sự anh minh, tính khoa học trong thực tế đã chứng minh những điều Bác nói, Bác làm. Chúng ta đều biết, ngày 13-9-1946, sau khi cuộc thương lượng Việt - Pháp tại Phôngtennoblô chấm dứt, phái đoàn Chính phủ ta trở về nước. Không khí giữa Việt Nam và Pháp trở nên căng

¹ Những chặng đường lịch sử, NXB Văn học, 1977, tr. 305.

thắng thêm. Thủ tướng Pháp Bidôn, nhằm xoa dịu tình hình đó, mời Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ trưởng Mariúyt Mutê đến một ngôi nhà của Chính phủ Pháp ở Ke Đuócsay (Quai d'Orsay). Cuộc trao đổi diễn ra khá phức tạp, kéo dài hơn một giờ đồng hồ, bắt đầu từ 17 giờ. Cho đến 1 giờ sáng (giờ Pari) ngày 15 tháng 9, Người ký với Bộ trưởng Mariúyt Mutê một văn bản mang tên *Tạm ước Việt - Pháp*. Văn bản này quy định một số điều quan hệ tạm thời về kinh tế và văn hóa giữa hai nước, đình chỉ chiến sự ở miền Nam, đồng thời quy định thời gian tiếp tục cuộc đàm phán Việt - Pháp vào tháng Giêng năm tới.

Khi ký xong *Tạm ước*, Bác nói với các nhà báo tại Pari:

“Sau ba tháng đi Pháp đã đem lại cho tôi một bản *Tạm ước*. Bản *Tạm ước* này đối với tôi có phải đã thỏa mãn không? Có và không. Được rất ít, nhưng có còn hơn không. Ký *Tạm ước* này, chúng tôi muốn chứng tỏ cho nhân dân Pháp biết chúng tôi mong muốn một tinh thần rộng mở trong sự hòa giải...”.

Còn với Mutê và Xanhtơni, Người tuyên bố thẳng:

“Nếu chúng tôi bắt buộc phải chiến đấu thì chúng tôi sẽ chiến đấu. Các ông có thể giết được

của chúng tôi 10 người, mà chúng tôi chỉ giết được 1 người của các ông, nhưng cuối cùng các ông sẽ phải nản chí”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đã làm tất cả để tránh một cuộc chiến tranh đầy máu lửa. Nhưng bè lũ thực dân Pháp do bản chất xâm lược hiếu chiến, tiếp tục gây nhiều tội ác trời không dung, đất không tha. Điều Bác tiên đoán đã trở thành sự thật. Sau mọi cố gắng, cuộc đàm phán không thành và cũng không hy vọng gì ở cuộc đàm phán tháng 1 năm 1947, toàn dân, toàn quân ta đã nhất tề đứng dậy tiến hành cuộc kháng chiến thần thánh dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Bác Hồ kính yêu, tiếp tục đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác đánh bại chủ nghĩa thực dân cũ, nêu cao lá cờ độc lập dân tộc, lá cờ chính nghĩa, góp phần quan trọng vào sự nghiệp cách mạng chung của toàn thế giới.

Tối 20 tháng Chạp 1946, Đài Tiếng nói Việt Nam đã truyền đi *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

“Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới. Vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa.

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước.

Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân!

Giờ cứu nước đã đến. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, để giữ gìn đất nước.

Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta!

Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm!

Kháng chiến thắng lợi muôn năm!

Lời tiên đoán “thắng lợi nhất định về dân tộc ta” sẽ được Người tiếp tục nhấn mạnh trong bài thơ Mùa xuân Đình Hối (1947) đầy hào khí:

“Cờ đỏ sao vàng tung bay trước gió,

Tiếng kèn kháng chiến vang dậy non sông.

Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến,

Chí ta đã quyết, lòng ta đã đồng.

Tiến lên chiến sĩ! Tiến lên đồng bào!
Sức ta đã mạnh, người ta đã đông.
Trường kỳ kháng chiến, nhất định thắng lợi!
Thống nhất độc lập, nhất định thành công!”
Và trong bút ký “Công việc khẩn cấp bây giờ”
Người khích lệ toàn dân:

*“Cố rán sức qua khỏi mùa đông lạnh lẽo thì
ta sẽ gặp mùa xuân”*

Tổng Bí thư của Đảng, người học trò xuất sắc của Bác, Đồng chí Trường Chinh, từ đầu tháng 3 năm 1947, cũng bắt đầu cho đăng một loạt bài trên báo *Sự thật* nhằm giải thích và cụ thể hóa đường lối kháng chiến mà Bác Hồ đã vạch ra. Các bài viết đó, với các tiêu đề: “*Chúng ta đánh ai?*”, “*Tính chất cuộc kháng chiến của ta*”, “*Hình thái cuộc chiến tranh chống Pháp*”, “*Ba giai đoạn của cuộc kháng chiến lâu dài*”, “*So sánh hơn thua*”..., sau đó được bổ sung và in thành sách *Kháng chiến nhất định thắng lợi*

Một điều thú vị, đáng ghi nhớ là lời tiên đoán, lời quả quyết “*Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi*” đã được Bác đặt tên cho đội cận vệ bảo vệ của Bác trở lại căn cứ địa (lúc đó còn có tên gọi là “*Hậu phương lưu trú*”). Đội được hóa trang thành cái tên “*Đội thanh niên tuyên truyền xung phong*”, là một bộ phận công tác rất gọn nhẹ, gồm 8 người gần Bác nhất, vừa

làm cảnh vệ, công tác văn phòng, thư ký, liên lạc vừa phục vụ hậu cần, với tinh thần một người thạo nhiều việc - song, như đã nói, dù làm việc gì, bảo vệ Bác Hồ vẫn là nhiệm vụ quan trọng nhất.

Công tác bảo mật được đặt lên hàng đầu. Cứ mười ngày nửa tháng, đổi lại chuyển chỗ ở. Bác đã vào tuổi 57, sức yếu vì qua bao nhiêu năm tháng gian lao, mà công việc bộn bề. Với chiếc gậy trúc, đôi dép cao su, Người đã lên đường kháng chiến.

Và đội công tác đã liên tục cùng đi với Bác lên Việt Bắc. Từ ngày 4 đến 17-3-1947, Người nghỉ và làm việc tại nhà ông Hoàng Văn Nguyên tại xã Cổ Tiết, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Tối mùng 5 tháng 3, trời rét, mấy Bác cháu ngồi quanh đống lửa trò chuyện. Nhưng về khuya, Bác đi bách bộ ngoài sân, dáng trầm tư suy nghĩ. Vận mệnh của Tổ quốc đang từng giờ đặt trên vai Bác - vị lãnh tụ tối cao của toàn dân tộc.

Sáng ra, Bác bảo tám thành viên trong đội đến "*khai hội*". Mọi người còn nhớ sáng tháng 3, cái rét ở vùng trung du thật dữ dội. Mọi người ngồi quây quần bên Bác. Như một người Cha, Bác nhìn mọi người rồi nói với giọng trầm ấm:

- Chiến sự đang ngày càng lan rộng, các chú

phải quân sự hóa mọi sinh hoạt. Đi ô tô không tiện nữa, để lộ bí mật. Ai có xe đạp thì cứ sử dụng, người còn lại sẽ đi bộ. Các chú may cho mỗi người một chiếc ba lô để đựng đồ dùng và cũng may cho Bác một cái để Bác đeo máy chữ.

Bác nói đến tình hình cụ thể của chiến sự và đường lối kháng chiến của Trung ương Đảng. Phổ biến xong, Bác hỏi:

- Các chú có ai còn thắc mắc gì không?

Một thành viên của đội đứng dậy hỏi:

- Thưa Bác, chúng cháu nghĩ mà vẫn chưa rõ tại sao ta lại phải đánh trường kỳ, vì đánh như vậy hại người, tốn của lắm.

Bác phân tích cho mọi người thấy rõ các mặt lợi hại rồi đưa ra một hình ảnh cho dễ hiểu:

- Sức ta bây giờ như chàng trai 16, mà thể giặc bây giờ như lão già quỷ quyết độc ác. Nếu ta cậy sức đánh bừa thì sao chắc thắng được? Phải vừa đánh vừa nuôi cho sức mình khỏe lên. Khi sức ta đã khỏe, giặc suy yếu dần, ta mới lừa thể quật ngã nó, như vậy có chắc thắng không?

Bác lại nhìn mọi người, khẳng định:

- Cho nên, kháng chiến trường kỳ mới nhất định thắng lợi!

Rồi Bác mỉm cười, nói tiếp:

- Để thể hiện quyết tâm kháng chiến của chúng ta, hôm nay Bác đặt lại tên cho các chú,

vừa giữ bí mật, vừa dễ gọi là: *Trường, Kỳ, Kháng, Chiến, Nhất, Định, Thắng, Lợi*. Không cố ý sắp đặt mà vừa đủ tám người. Bốn người đầu là người Kinh, bốn người sau là người dân tộc. Rồi Bác hỏi: Các chú có biết tại sao Bác đặt tên cho các chú như vậy không?

Mọi người ngồi im chưa hiểu thì Bác giải thích: Nhiệm vụ chính của Bác hiện nay là cùng toàn Đảng, toàn dân kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn. “Tám cái tên này chính là *“khẩu hiệu sống”* thường xuyên nhắc nhở Bác. Bác đặt tên cho các chú như vậy, cũng để hằng ngày nhìn thấy các chú hoặc gọi tên các chú là động viên Bác cố gắng hoàn thành nhiệm vụ.

Cũng ngày hôm trước, sau trận quân Pháp tấn công ra ngoại vi Hà Nội, Người đã viết thư gửi đồng bào cả nước vạch rõ âm mưu của địch và kêu gọi mọi người: *“Chúng ta không hoang mang. Chúng ta phải nhẫn nại, phải cương quyết. Thắng lợi cuối cùng nhất định về tay ta!”*.

Phát biểu với phóng viên các báo Việt Nam, ngày 9-3-1947, Người khẳng định:

“Nếu chiến tranh kéo dài, thì khối Liên hiệp Pháp cũng hỏng, lợi quyền Pháp ở Á Đông cũng mất, nước ta sẽ bị tàn phá tiêu điều. Nhưng, dù tiêu điều đến đâu, non nước này vẫn là non nước Việt Nam. Trên đồng xương máu, trên đồng tro

tàn, thanh niên ta, con cháu ta, sẽ xây dựng một nước Việt Nam hoàn toàn độc lập”.

“Chúng tôi vững tin vào thắng lợi cuối cùng của mình” - đó là đầu đề bài báo Bác viết cho Tuần báo “Vì một nền hòa bình lâu dài, vì một nền dân chủ nhân dân”, ký bút danh DIN, vào tháng 7-1953. Người viết: “...chúng tôi không say sưa với thắng lợi và không đánh giá quá thấp kẻ địch, nhưng chúng tôi tự cảm thấy ngày càng mạnh lên, ngày càng thêm vững tin vào thắng lợi cuối cùng của chúng tôi, ngày càng quyết tâm đuổi ra khỏi Tổ quốc mình bọn thực dân Pháp và quan thầy của chúng là bọn can thiệp Mỹ...”

Tối 7-8-1953, nói chuyện ở lớp chỉnh huấn cán bộ trí thức, Bác nhắc lại 10 năm trước: lúc ấy nói đánh Nhật, Pháp thì nhiều người cho là châu chấu đá voi. Nhưng ta vẫn tổ chức đánh Nhật, đánh Pháp để giải phóng dân tộc. Lúc đầu, bộ đội du kích ta có 12 người, trong đó có hai phụ nữ. Làm thế là vì mình xem về tương lai, tin tưởng ở thắng lợi, thấy rõ tình hình thế giới sẽ biến đổi, Nhật, Pháp sẽ xung đột nhau. Bây giờ ta có 12 người, sau sẽ có 12 vạn người. Ta quyết tâm, ta có thể, nên ta làm được...

Bây giờ có người hỏi sức ta mạnh hơn hay Pháp mạnh hơn? Nói về súng, đạn, xe tăng, máy bay thì có cái ta không có. Nhưng tại sao

ta nói ta mạnh hơn? Vì thế của ta mạnh hơn. Nói về người lính, tinh thần anh lính đứng đằng sau khẩu đại bác của địch rất thấp, nên đại bác chỉ là một cục sắt. Còn bộ đội của ta chỉ có tiểu liên nhưng biết vì ai mà đánh, đánh như thế nào, nên tin ở kháng chiến nhất định thắng lợi, tin vào lực lượng tinh thần của dân ta, cái gì làm cũng được¹.

Ngày 2-9-1953, trong Lời kêu gọi nhân dịp kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và ngày Độc lập, Bác chỉ rõ: *Thế ta ngày càng mạnh, thế địch ngày càng yếu.*

Lời tiên tri “*Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi*” trở thành một câu thơ trong *Thơ chúc Tết của Người*:

*“Toàn thể chiến sĩ thi đua giết giặc,
Đồng bào cả nước đoàn kết một lòng,
Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi,
Độc lập thống nhất, nhất định thành công!”*²

thành câu kết trong *Lời kêu gọi* ngày 2-9-1953, cũng như trong các bức *Thư gửi cán bộ, chiến sĩ và đồng bào Nam Bộ* (tháng 9-1953), trong *Lời kêu gọi nhân dịp kỷ niệm 7 năm toàn quốc kháng chiến*, trong các bài thơ *Kế hoạch Na-va*, *đầu voi đuôi chó*, và *Thơ chúc Tết Nguyên Đán*

¹ *Hồ Chí Minh toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, t.7, tr.113.

² *Báo Nhân dân*, số 89, từ ngày 1 đến 7-1-1953.

Giáp Ngọ – 1954... với những lời lẽ nôm na nhưng mang giá trị chân lý như:

*“Quân dân đoàn kết một lòng
Kháng chiến thắng lợi cờ hồng tung bay”;
“Quân và dân ta nhất trí kết đoàn
Kháng chiến, kiến quốc nhất định hoàn toàn
thành công...”, v.v..*

Giáo sư Trần Văn Giàu từng viết: “Tâm cơ của một nhà hiền triết chưa chắc ở chỗ giải quyết mối tương quan giữa tồn tại và tư tưởng, ở chỗ xác định thế giới này là thực tại hay là ảo ảnh, ở chỗ lựa chọn giáo điều quen thuộc hay sáng tạo mới lạ, mà chung quy là ở mức quan tâm đến con người, con người thật đang sống trên quả đất này và chắc còn sống lâu dài đến vô tận thời gian, lấy đó làm trung tâm của mọi suy tư và chủ đích của mọi hoạt động. Cụ Hồ thuộc loại hiền triết đó” (Dẫn theo Đỗ Ngọc Yên).

Một trong những nét nổi bật trong tư tưởng Hồ Chí Minh về con người là *lòng tin ở con người*. Tình tường, nhìn xa trông rộng trong công tác tổ chức cán bộ, đặc biệt là đối với nhân sĩ trí thức, kể cả những người trong tầng lớp quan lại cũ, chức sắc tôn giáo, nhìn người trong triển vọng, tương lai phát triển, tập hợp nhân tài, đóng góp công sức, trí tuệ cho cách mạng. Người thường nói với cán bộ giúp việc

xung quanh mình: “*Chúng mình chỉ là cái men thôi. Nền được rượu là nhờ có cơm nếp. Phải có đông đảo quần chúng tham gia mới thành cách mạng. Nhân sĩ, trí thức là thứ men tốt, cần phải kéo về mình*”¹.

Đó cũng là một tiên tri.

Chỉ hơn hai tháng sau khi đọc *Tuyên ngôn Độc lập*, ngày 14-11-1945, Người ra lời kêu gọi “*Nhân tài và kiến quốc*”, và hơn một năm sau lại có chỉ thị: “*Tìm người tài đức*” (20-11-1946) mà như nhận xét của nhà nghiên cứu Bùi Tiến là: Hai văn kiện đó chẳng những có giá trị trọng đại lúc đương thời mà còn có giá trị và có ý nghĩa vĩnh cửu đối với sự hưng thịnh của đất nước.

Trước sự khích lệ, tôn vinh, tin tưởng của vị lãnh tụ tối cao, biết bao bậc danh nhân, biết bao vị nhân sĩ, biết bao nhà trí thức đã tự nguyện đi theo tiếng gọi thiêng liêng của Người, tiến bước dưới lá cờ của bậc đại nhân, đại trí, đại dũng, đóng góp cao nhất tài năng, trí tuệ, và tài sản cá nhân cho kháng chiến và kiến quốc. Có thể nêu tên các vị: Huỳnh Thúc Kháng, Võ Liêm Sơn, Bùi Kỷ, Nguyễn Văn Tố, Tạ Quang Bửu, Phan Anh, Vũ Đình Hòe,

¹ Báo *Nhân dân*, số Xuân Giáp Thân 2004.

Nguyễn Văn Huyền, Trần Đại Nghĩa..., các vị quan lại cũ: Bùi Bằng Đoàn, Phan Kế Toại, Phạm Khắc Hòe, các chức sắc tôn giáo như Phạm Bá Trục, Nguyễn Mạnh Hà...

Sách báo đã viết khá nhiều về việc Chủ tịch Hồ Chí Minh mời cụ Huỳnh Thúc Kháng tham gia Chính phủ Liên hiệp kháng chiến. Thoạt đầu, cụ Huỳnh từ chối lời mời vì không biết rõ Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Ái Quốc, và cũng chưa hoàn toàn tin tưởng ở đường lối cách mạng của Đảng ta. Phần nữa, cụ thấy mình tuổi đã quá cao. Đến lúc nghe nói Hồ Chủ tịch chính là Nguyễn Ái Quốc, cụ mới quyết định ra Hà Nội.

Khi cử người vào Quảng Nam mời Cụ Huỳnh, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: *“Ở bên Tàu vẫn còn trọng dụng những người khoa bảng, mà bọn Lư Hán còn đóng ở đây; chúng biết trong Chính phủ ta có vị Tiến sĩ Hán học, chúng cũng trọng. Cụ Huỳnh đã hy sinh nhiều, xin Cụ hy sinh thêm”*¹.

Giây phút gặp gỡ đầu tiên giữa Bác và Cụ Huỳnh thật là cảm động. Hai người bước vội tới, ôm hôn nhau; cả Bác và Cụ Huỳnh bỗng dưng đều ứa nước mắt. Bác và Cụ Huỳnh đã

¹ Dẫn theo Tạp chí *Đất Quảng*, số Xuân Giáp Thân - 2004.

nhắc tới Cụ Phó bảng ngày xưa, bao phen lặn lội ra Bắc vào Nam giữa những năm dài đen tối. Và ngay từ phút đầu, cụ Huỳnh đã thấy ở nhà cách mạng lòng danh mà từ lâu mình khát khao được gặp, một người rất thân thiết. Sau buổi gặp Bác, cụ Huỳnh đã nói với một người bạn: *“Dân ta có được cụ Hồ, quả là hồng phúc”*. Cụ đã đặt vào Người một sự tin cậy hoàn toàn. Mặc dầu Cụ hơn tuổi Bác nhiều, nhưng mỗi khi nhắc tới Hồ Chủ tịch, Cụ thường nói đó là vị *“Cha già của dân tộc”*.

Cụ Huỳnh đã nhận giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong Chính phủ Liên hiệp kháng chiến sắp thành lập.

Khi Hồ Chủ tịch sang Pháp với tư cách vị thượng khách của Chính phủ nước này, Người đã giao trọng trách cho cụ Huỳnh chức vụ Quyền Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tại buổi tiễn đưa ở sân bay, Người dặn Cụ: *“Dĩ bất biến ứng vạn biến”*. Trong thời gian Bác Hồ đi vắng, cụ Huỳnh đã cùng các cộng sự dẹp yên vụ phản loạn ở phố Ôn Như Hầu, trấn áp bọn tay sai quân Tàu Tưởng, thu phục nhân tâm và nâng cao uy tín của Chính phủ Liên hiệp kháng chiến.

Khi cuộc kháng chiến chống Pháp bắt đầu, Bác đã từng cho đón ông Vương Chí Sình –

“Vua Mèo” từ Hà Giang về Hà Nội, kết nghĩa anh em và đổi tên họ thành Hồ Chí Thành. Cũng dịp ấy, Bác bí mật cho đón cụ Vi Văn Định - một người đã từng làm Tổng đốc Thái Bình trong bộ máy thực dân Pháp từ Lạng Sơn về Hà Nội.

Ông Hoàng Văn Kiêu, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, lúc đó là Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn kể lại: “Để tránh sự theo dõi của Pháp, lúc này chúng đã vào đóng một số điểm ở Lạng Sơn, ô tô của ta từ Hà Nội lên cây số 5 ngoài thị xã cất giấu, chờ sẵn ở đó, còn anh em đi bộ vào cơ quan tỉnh ủy lúc đó còn đóng ở ba xã ngoài thị xã. Tôi cùng với anh Ba Ngo, anh Tôn Thất Tùng bàn nhau rồi lấy xe đạp hàng hoàng đạp qua thị xã, đi thẳng lên nhà ông Vi Văn Định. Lúc đi, chúng tôi vẫn lo ngại sẽ gặp nhiều trắc trở khó lường...”.

Lúc mới gặp, thấy toàn người quen, cụ Vi yên tâm, nhưng biết được mời về Hà Nội, cụ từ chối: “Tôi nay già yếu lắm rồi, chắc chẳng đóng góp được gì, xin để cho lão giả an chi”. Nhưng rồi, biết rằng đó là lời mời của Hồ Chủ tịch thì cụ rất xúc động đã lên đường.

Sau này ở ATK Việt Bắc, Bác Hồ thường qua thăm cụ Vi Văn Định và nhiều vị khác. Con trai cụ Vi là Vi Văn Kỳ được cụ Huỳnh Thúc Kháng

(lúc này Bác Hồ đang ở Pháp) cho bí mật chuyển vào Thanh Hóa. Tại đây, ông làm việc ở cơ quan Bộ Nội vụ cho đến lúc về hưu.

Mọi người rất khâm phục sự tiên đoán của Bác Hồ trong việc kịp thời đưa cụ Vi Văn Định rời khỏi Lạng Sơn, *“kéo hiểu sự thì không kịp”*. Đặc biệt, khi quyết định cử người đón cụ Vi Văn Định từ Lạng Sơn về Hà Nội, Bác đã nói: *“Con cháu cụ Vi đều đi với cách mạng cả”*. Quả thực sau này, con cháu cụ Định đều là những người có đóng góp xứng đáng với Đảng và nhân dân ta. Hai người con rể của cụ là Hồ Đắc Di (chồng bà Vi Kim Phú), Nguyễn Văn Huyền (chồng bà Vi Kim Ngọc) đều giữ trách nhiệm Bộ trưởng trong Chính phủ kháng chiến, còn Giáo sư Tôn Thất Tùng là cháu rể cụ. Con cháu của các ông Phạm Khắc Hoè, cụ Phan Kế Toại... cũng đều có những đóng góp đáng kể đối với cách mạng. Không ít trí thức cao cấp được Bác rèn luyện, giáo dục, trở thành những cán bộ nòng cốt, giữ trọng trách trong bộ máy Nhà nước như các cụ Vũ Đình Tụng, Tạ Quang Bửu, Phan Anh, Hoàng Minh Giám, Nguyễn Văn Huyền (Bộ trưởng); cụ Bùi Bằng Đoàn (Trưởng ban Thường trực Quốc hội), cụ Phan Kế Toại (Phó Thủ tướng Chính phủ), Linh mục Phạm Bá Trực (Phó Trưởng ban Thường trực Quốc hội)... Nhiều vị

đã trở thành anh hùng lao động, được nhân dân cả nước yêu mến, kính phục, như Trần Đại Nghĩa, Đặng Văn Ngữ, Tôn Thất Tùng, Phạm Ngọc Thạch, Trần Hữu Tước...

Nhìn thấy triển vọng phát triển của mỗi con người đồng thời Bác cũng nhìn khá tỏ tường những khả năng dẫn tới sự hư hỏng, thoái hoá, biến chất của cán bộ, đảng viên giai đoạn cầm quyền. Khi viết cuốn *“Sửa đổi lối làm việc”*, Bác đã chỉ rõ: *“Bệnh chủ quan, bệnh ích kỷ, bệnh hẹp hòi v.v.. mỗi chứng bệnh là một kẻ địch. Mỗi kẻ địch bên trong là một bọn đồng minh của kẻ địch bên ngoài. Địch bên ngoài không đáng sợ. Địch bên trong đáng sợ hơn, vì nó phá hoại từ trong phá ra. Vì vậy, ta phải ra sức đề phòng những kẻ địch đó, phải chữa hết những chứng bệnh đó”*.

Với tầm nhìn biện chứng, Bác cũng từng chỉ rõ:

“Một dân tộc, một Đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân...”

Mỗi con người đều có thiện và ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong

*mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng*¹.

Những lời dạy của Người, những tiên tri của Người từ bao nhiêu năm trước, đến tận hôm nay vẫn rất thời sự, vẫn là những bài học quan trọng đối với mỗi con người trên bước đường đi tới...

¹ *Hồ Chí Minh toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, t.12, tr. 557-558.